

Trung ương		Nâng cao năng lực cho đội ngũ thực thi pháp luật về thương mại điện tử (thanh tra, quản lý thị trường, công an, viện kiểm sát, tòa án) tại các địa phương thông qua việc thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng thương mại điện tử, trang bị các phương tiện hiện đại để hỗ trợ việc theo dõi, giám sát, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm các hoạt động thương mại điện tử trên môi trường trực tuyến.	2021	2025
		Đẩy mạnh hoạt động thống kê về thương mại điện tử, đưa hoạt động này thành nhiệm vụ thường xuyên của Sở Công Thương nhằm phục vụ thiết thực công tác quản lý điều hành và xây dựng chính sách về thương mại điện tử.	2021	2025
		Cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên toàn bộ các thủ tục đăng ký kinh doanh và đầu tư, các thủ tục khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	2021	2025
		Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn cho doanh nghiệp về thương mại điện tử theo các chủ đề chuyên sâu, phù hợp với địa phương và lĩnh vực kinh doanh.	2021	2025
		Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Công Thương về tình hình thực hiện Kế hoạch tại địa phương.	2021	2025

Dự thảo 1**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Ngày 08 tháng 8 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1563/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2016 – 2020 (Kế hoạch tổng thể). Theo đó, 60/63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tại địa bàn, với các mục tiêu và nội dung triển khai bám sát nội dung Quyết định số 1563/QĐ-TTg, đồng thời phù hợp với thực tiễn phát triển về kinh tế - xã hội tại mỗi địa phương. Danh sách các tỉnh/thành phố đã ban hành Kế hoạch phát triển TMĐT giai đoạn 2016 – 2020 tại Phụ lục 3 Báo cáo này.

Nhìn chung, mặc dù thương mại điện tử (TMĐT) giai đoạn 2016 – 2020 tại các quốc gia phát triển đang có dấu hiệu chững lại thì tại Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng lĩnh vực này lại phát triển có tính nhảy vọt, thể hiện ở tốc độ tăng trưởng và quy mô thị trường. Theo Statista, thị trường TMĐT của Mỹ hiện có chỉ số tăng trưởng khoảng 12%/năm, trong khi đó tỷ lệ này ở Đông Nam Á đạt 33 - 35%. Báo cáo của Google và Temasek cho thấy, Indonesia và Việt Nam là một trong những quốc gia dẫn đầu xu hướng tăng trưởng (lần lượt 49% và 38% từ 2015 đến 2018).

Tại Việt Nam, thị trường TMĐT bán lẻ năm 2018 ghi nhận doanh thu 8,06 tỷ USD. Với mức tăng trưởng ổn định như hiện nay, doanh thu bán lẻ trực tuyến năm 2020 dự tính sẽ chạm mốc 12,6 tỷ USD, tăng gấp 3 lần so với thời điểm trước khi triển khai Kế hoạch tổng thể vào năm 2015 (4 tỷ USD) và vượt 26% so với mục tiêu đề ra (Kế hoạch tổng thể đặt mục tiêu thị trường TMĐT B2C đạt 10 tỷ USD vào năm 2020). Như vậy, so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước, doanh thu TMĐT B2C Việt Nam năm 2020 dự đoán chiếm khoảng 5,4%. Với tốc độ tăng trưởng này, Việt Nam đang là một trong những thị trường TMĐT phát triển năng động nhất khu vực.

Bộ Công Thương xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai mục tiêu, cùng với nhận xét đánh giá về TMĐT Việt Nam sau 05 năm thực hiện Kế hoạch tổng thể giai đoạn 2016 – 2020 và giải pháp phát triển thị trường TMĐT giai đoạn 2021 – 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH TỔNG THỂ SAU 05 NĂM TRIỂN KHAI

1. Về tình hình phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016 - 2020

a. Về quy mô thị trường thương mại điện tử

Kế hoạch tổng thể đặt mục tiêu thị trường TMĐT vào năm 2020 với 30% dân số tham gia mua sắm trực tuyến. Khảo sát của Bộ Công Thương cho thấy, tỷ lệ nói trên ước đạt 42%, trong đó ước tính hơn 70% người dùng internet có thực hiện hoạt động mua sắm trực tuyến ít nhất một lần trong năm. Dự đoán doanh số TMĐT bán lẻ năm 2020 đạt khoảng 13,6 tỷ USD, chiếm 5,4% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước.

Tại Việt Nam, TMĐT đang trở thành một hình thái kinh doanh phổ cập của doanh nghiệp và có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng người tiêu dùng Việt Nam. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng về thị phần bán lẻ thuộc top ba của khu vực. Từ năm 2015 đến nay, tốc độ tăng trưởng của 03 nền kinh tế Internet lớn nhất khu vực Đông Nam Á đạt trung bình 33 - 35%, theo đó Việt Nam là 38%, đứng đầu là Indonesia với 49%, thứ ba là Phillipines (32%). Theo báo cáo "Nền kinh tế Internet Đông Nam Á" năm 2019 của Google và Temasek, nền kinh tế Internet của Đông Nam Á dự kiến đạt 100 tỷ USD trong 2019 và dự kiến sẽ đạt 300 tỷ USD vào năm 2025, trở thành một trong những khu vực tăng trưởng thương mại trực tuyến (online commerce) nhanh nhất thế giới.

Đối với mục tiêu tại Kế hoạch tổng thể: *"Hình thành một số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử lớn có uy tín trong khu vực Đông Nam Á"*: năm 2019, iPrice tiến hành xếp hạng 10 website TMĐT đứng đầu dựa trên số lượt truy cập, xếp hạng website và số người theo dõi trên mạng xã hội tại khu vực Đông Nam Á. Theo đó, kết quả số liệu 6 tháng đầu năm 2019 cho thấy, trong 10 website nói trên có 05 website đến từ Việt Nam, bao gồm Tiki, Sendo, Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh và FPT Shop¹. 05 website TMĐT còn lại trong danh sách này thuộc về hai doanh nghiệp lớn Lazada và Shopee cùng ba doanh nghiệp khác đến từ Indonesia là Tokopedia, Bukalapak và Blibli. Điều này cho thấy tiềm năng của doanh nghiệp TMĐT Việt Nam khi đặt trong tương quan với các doanh nghiệp của các nước khác trong khu vực.

b. Về ứng dụng thương mại điện tử và hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt

¹ Nguồn: Vneconomy.vn, Top 10 sàn thương mại điện tử Đông Nam Á, 7/9/2019

Năm 2019, tỷ lệ doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập nhật thường xuyên thông tin giới thiệu và bán sản phẩm của doanh nghiệp là 49%. Tỷ lệ doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng qua email; website, sàn giao dịch TMĐT/mạng xã hội lần lượt là 84%, 36% và 31%. Tỷ lệ doanh nghiệp đặt hàng qua các phương thức trên tương ứng là 84%, 44% và 32%.

Với mục tiêu “100% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại có thiết bị chấp nhận thẻ thanh toán (POS) và cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng”: Mục tiêu này cơ bản được hoàn thành vào năm 2019. Số liệu của Ngân hàng Nhà nước cho thấy, đến cuối năm 2018, trên toàn quốc đã có trên 18.570 ATM và 259.200 POS đang hoạt động (tăng tương ứng 9,7% và 16% so với năm 2015). POS đang được lắp đặt tại hầu hết các cơ sở, chuỗi phân phối, bán lẻ, khách sạn lớn và đang mở rộng dần ra các cơ sở y tế, bệnh viện, trường học.

Về việc chấp nhận hình thức thanh toán không dùng tiền mặt của các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông, cụ thể: (i) Lĩnh vực điện: Hiện Tập đoàn điện tử lực Việt Nam đã chấp nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán hóa đơn cho cá nhân và hộ gia đình. Tỷ lệ hóa đơn và doanh thu tiền điện qua ngân hàng/trung gian thanh toán tăng mạnh qua các năm: từ 14,88% năm 2015 lên 49,45% năm 2018; (ii) Lĩnh vực nước: Dựa trên kết quả điều tra do 103 doanh nghiệp cung cấp nước tính đến tháng 6/2019, có khoảng 40% số lượng doanh nghiệp cung cấp nước trên cả nước đã chấp nhận thanh toán hóa đơn của các cá nhân, hộ gia đình qua các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; (iii) Lĩnh vực viễn thông, truyền thông: Hiện các nhà cung cấp mạng di động Viettel, MobilephoneViettel, MobiFone, VinaPhone, Vietnammobile, Gmobile đều cho phép thanh toán cước viễn thông bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Về mục tiêu xây dựng hạ tầng pháp luật cho thương mại điện tử

Hạ tầng pháp luật liên quan đến TMĐT Việt Nam về cơ bản được hình thành năm 2005 bởi Luật Thương mại, Bộ Luật dân sự, Luật giao dịch điện tử và Luật Công nghệ thông tin năm 2006. Song song với các bộ luật nói trên, lĩnh vực TMĐT chịu sự điều chỉnh của các luật khác như Luật viễn thông năm 2009; Bộ luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1999; Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010; Luật Quảng cáo 2012; Luật đầu tư 2014; Luật Doanh nghiệp 2014.

Năm 2018, cùng với quá trình hội nhập quốc tế, phát triển công nghệ thông tin, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghệ 4.0, thực trạng, tình hình diễn ra trên không gian mạng, Luật An ninh mạng được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/6/2018, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

Theo đó, Luật có những quy định bao trùm tất cả các mạng cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông, Internet, hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu, hệ thống kiểm soát và lưu trữ, xử lý thông tin, và điều chỉnh hoạt động của mọi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong không gian mạng và người dùng Internet bao gồm cả TMĐT, diễn đàn trực tuyến, mạng xã hội và blog.

Hướng tới xây dựng và hoàn thiện các quy định liên quan đến hoạt động TMĐT, để thực sự thúc đẩy giao dịch điện tử trong quản lý thuế nói chung và TMĐT nói riêng ở khía cạnh vừa tạo thuận lợi cho người nộp thuế, vừa bao quát và kiểm soát nguồn thu phát sinh từ hoạt động TMĐT, đặc biệt là các giao dịch xuyên biên giới thì cần phải có các quy định cụ thể cũng như chuẩn bị sẵn sàng các biện pháp quản lý thuế đối với các mô hình kinh doanh mới. Năm 2019, Luật Quản lý thuế được Quốc hội thông qua với nhiều nội dung quan trọng, đảm bảo nguyên tắc quản lý thuế mọi tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của luật không phân biệt hoạt động kinh doanh theo phương thức truyền thống hay trên môi trường điện tử.

Về hệ thống văn bản dưới luật liên quan đến TMĐT, giai đoạn 2016 – 2020 chứng kiến nhiều sự đổi mới trong các ngành, lĩnh vực khác nhau như bảo hiểm, ngân hàng, tài chính, ngoại thương, ví dụ: Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Ngoài các văn bản được đề cập ở trên, chi tiết cập nhật được trình bày tại Phụ lục 1 kèm theo.

Liên quan đến một số chính sách nổi bật có tác động đến TMĐT trong thời gian gần đây như mô hình kinh tế chia sẻ, về quản lý TMĐT xuyên biên giới đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, đánh giá và từ đó có những giải pháp cụ thể điều chỉnh những vấn đề này như sau:

a. Về mô hình kinh tế chia sẻ

Mô hình kinh tế chia sẻ được đánh giá là lĩnh vực tiềm năng và được dự đoán sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong những năm tới khi nhu cầu người dùng ngày càng tăng, điều kiện về hạ tầng công nghệ, viễn thông, Internet, thiết bị thông minh đang ngày càng thay đổi. Sự phát triển của mô hình này là tất yếu và phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ thông tin hiện đại, đồng thời có

nhiều tác động tới nền kinh tế. Mô hình này phần lớn tập trung tại các lĩnh vực: giao thông vận tải, giao nhận hàng hóa, du lịch, ẩm thực, điển hình như Uber, Grab, AirBnB, AhaMove, JubViec, Now, Be, v.v... Bước đầu, hạ tầng pháp lý đối với mô hình mới này như sau:

+ Ngày 12 tháng 8 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 999/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ. Theo đó, mục tiêu chủ yếu hướng tới đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống; đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia mô hình kinh tế chia sẻ bao gồm người cung cấp dịch vụ, người sử dụng dịch vụ và doanh nghiệp cung cấp nền tảng; Khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và phát triển nền kinh tế số.

+ Ngày 07 tháng 1 năm 2016, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 24/QĐ-BGTVT phê duyệt Kế hoạch thí Điểm triển khai ứng dụng khoa học công nghệ hỗ trợ quản lý và kết nối hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng.

b. Về tăng cường kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam đối với tổ chức kinh tế nước ngoài

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 thay thế Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Nghị định có một số quy định mới về các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT. Theo đó, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam phải có Giấy phép kinh doanh và thời hạn kinh doanh đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT là 05 năm.

c. Về quản lý TMĐT xuyên biên giới đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Xuất phát từ yêu cầu phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam cũng như để thực hiện Quyết định 1254/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công

tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020, Tổng cục Hải quan đang hoàn thiện Đề án quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, dự kiến sẽ Đề án này sẽ được hoàn thiện và ban hành năm 2020. Đề án sẽ tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới từ kênh giao dịch thương mại điện tử. Phạm vi của Đề án dự kiến thống nhất với phạm vi của Kế hoạch hành động tại Quyết định 1254/QĐ-TTg nhằm tạo thuận lợi thương mại, cải cách thủ tục hành chính trong công tác thông quan tại cửa khẩu và nâng cao hiệu quả quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Liên quan đến mục tiêu xây dựng và phát triển hệ thống thanh toán thương mại điện tử và các tiện ích tích hợp thanh toán điện tử

Về việc xây dựng và phát triển Hệ thống thanh toán TMĐT: Bộ Công Thương đã phối hợp với Công ty Chuyển mạch tài chính quốc gia Việt Nam (NAPAS) triển khai Hệ thống thanh toán thương mại điện tử quốc gia (TTTMĐTQG) để cung cấp các giải pháp thanh toán điện tử hỗ trợ cho các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4 (Hệ thống TTTMĐTQG hỗ trợ dịch vụ hành chính công) và ứng dụng mô hình thanh toán đảm bảo hỗ trợ cho thị trường thương mại điện tử (Hệ thống TTTMĐTQG đảm bảo theo mô hình Escrow). Cụ thể, hệ thống TTTMĐTQG đã hỗ trợ trên 20 đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ Công Thương; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tư pháp; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế; Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Sở giao thông vận tải Hà Nội; trong đó hỗ trợ Cục An toàn thực phẩm trở thành đơn vị đầu tiên triển khai dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4 (dịch vụ công trực tuyến) trong ngành Y tế.

Về thanh toán điện tử trong TMĐT: Thực hiện chủ trương phát triển thanh toán không dùng tiền mặt nói chung (TTKDTM), cũng như thúc đẩy thanh toán điện tử trong TMĐT nói riêng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 phê duyệt Đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2016-2020*, trong đó có giải pháp phát triển thanh toán điện tử phục vụ TMĐT nhằm: Thúc đẩy thanh toán điện tử trong TMĐT, thực hiện mục tiêu của Quyết định 1563/QĐ-TTg (100% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại có thiết bị chấp nhận thẻ và cho phép người tiêu dùng TTKDTM khi mua hàng; 70% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán hóa đơn của các cá nhân, hộ gia đình qua các hình thức TTKDTM; 50% cá nhân, hộ gia đình ở các thành phố lớn sử dụng phương tiện TTKDTM trong mua sắm, tiêu dùng).

Để thúc đẩy thanh toán điện tử đối với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích (như: điện, nước, viễn thông, y tế, giáo dục...), cũng như hỗ trợ cung

cấp trực tuyến mức độ 4 các dịch vụ khai nộp thuế, hoàn thuế đối với đối tượng nộp thuế; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội* nhằm: Đẩy mạnh thanh toán dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội qua ngân hàng, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của nền kinh tế và phát triển TTKDTM; phấn đấu đến năm 2020: 80% giao dịch nộp thuế tại các thành phố trực thuộc trung ương, thành phố thuộc tỉnh thực hiện qua ngân hàng; 70% số tiền điện tại địa bàn thành phố, quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thanh toán qua ngân hàng; 50% cá nhân, hộ gia đình ở các thành phố lớn thực hiện thanh toán tiền nước qua ngân hàng; 80% số sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng nộp học phí qua ngân hàng; 50% bệnh viện tại các thành phố lớn chấp nhận thanh toán viện phí qua ngân hàng và 20% số tiền chi trả an sinh xã hội được thực hiện qua ngân hàng.

- Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo sự đồng bộ và điều kiện thuận lợi hơn, khuyến khích phát triển thanh toán điện tử, tăng cường quản lý thanh toán bằng tiền mặt và bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán điện tử, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã rà soát, bổ sung hạ tầng pháp luật về thanh toán như sau:

+ Tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 101/2012/NĐ-CP và Nghị định số 80/2016/NĐ-CP về TTKDTM, Nghị định số 222/2013/NĐ-CP về thanh toán bằng tiền mặt để đề xuất Chính phủ xem xét chỉnh sửa, bổ sung nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong hoạt động thanh toán, thúc đẩy phát triển các dịch vụ thanh toán mới, hạn chế việc thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch thanh toán trong nền kinh tế.

+ Nghiên cứu để bổ sung các quy định pháp lý phù hợp đối với các sản phẩm, mô hình, dịch vụ, phương tiện thanh toán dựa trên nền tảng công nghệ mới, hiện đại như ứng dụng thanh toán qua Internet (Internet Payment), trên điện thoại di động (Mobile Payment), ứng dụng công nghệ mã hóa số thẻ (Tokenization), thanh toán phi tiếp xúc (Contactless)... Theo đó, NHNN đã ban hành các Thông tư hướng dẫn về: Dịch vụ TTKDTM, mở và sử dụng tài khoản, hoạt động thẻ ngân hàng, cung ứng dịch vụ TGT, ... Bên cạnh đó, NHNN cũng ban hành Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) về thẻ chip nội địa (theo kế hoạch, mục tiêu đến cuối năm 2020, toàn bộ thẻ nội địa tại Việt Nam sẽ được chuyển đổi từ thẻ từ sang thẻ chip) và TCCS đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía đơn vị chấp nhận thanh toán tại Việt Nam làm cơ sở cho việc áp dụng thống nhất một tiêu chuẩn tại thị trường Việt Nam, đảm bảo tính đồng bộ của hạ tầng thanh toán,

tránh lãng phí nguồn lực, tăng cường mức độ an toàn, bảo mật và gia tăng tiện ích cho khách hàng; đồng thời, chỉ đạo triển khai áp dụng TCCS về thẻ chip, QR Code.

+ Chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, áp dụng các quy định về đảm bảo an ninh, toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán trực tuyến, các dịch vụ thanh toán dựa trên công nghệ cao. *Nội dung chi tiết về kết quả đạt được trong thanh toán điện tử được ghi nhận tại Phụ lục 1 kèm theo.*

4. Về mục tiêu xây dựng mạng lưới dịch vụ vận chuyển, giao nhận và hoàn tất đơn hàng cho thương mại điện tử

Lĩnh vực bưu chính với trọng tâm phát triển TMĐT là một trong 06 lĩnh vực quản lý chính của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mạng lưới vận chuyển phục vụ cho TMĐT hiện đã bao phủ khắp các tỉnh/thành trong cả nước. Tính đến hết năm 2018, tổng số điểm phục vụ Bưu chính của toàn thị trường trên 16.400 điểm, trong đó xấp xỉ 13.000 điểm thuộc mạng lưới bưu chính công cộng (bán kính phục vụ bình quân của mạng Bưu chính công cộng đạt 2,92 km²/điểm phục vụ), số điểm phục vụ/xã đạt 100% theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 01:2015/BTTTT về chất lượng dịch vụ Bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí với đầy đủ các loại hình vận tải như đường bộ, đường sắt, đường hàng không. Với sự phát triển của mạng lưới bưu chính rộng khắp, bao phủ tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước đã tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp bưu chính (DNBC) thực hiện/ hợp tác thực hiện các công đoạn vận chuyển, giao nhận và hoàn tất đơn hàng cho TMĐT, từng bước mở rộng ra khu vực nhằm đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới.

Ngoài ra, trong thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai hiệu quả Bộ Mã bưu chính quốc gia làm cơ sở cho việc ứng dụng công nghệ khai thác, chia chọn tự động tại các trung tâm chia chọn, khai thác vận chuyển cũng như tạo thuận lợi về cơ sở pháp lý và kỹ thuật cho DNBC tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng TMĐT. Kết quả là các DNBC tham gia chuỗi cung ứng TMĐT ngày càng nhiều. Khả năng tiếp cận tới từng khách hàng cá nhân giúp cho các DNBC, nhất là DNBC truyền thống có khả năng cung ứng dịch vụ Last-mile Logistics cho TMĐT. Các DNBC đã, đang và sẽ tham gia phát triển dịch vụ chuyển, phát hàng TMĐT và các dịch vụ logistics khác cho TMĐT cũng như trực tiếp kinh doanh TMĐT (mô hình sàn, chợ thương mại điện tử). Đồng thời tổ chức mô hình kinh doanh phân phối bán lẻ O2O (Online-To- Offline) kết hợp giữa trực tiếp kinh doanh phân phối bán lẻ hàng hóa tại bưu cục/điểm phục vụ bưu chính, trực tiếp tới khách hàng với website TMĐT, thanh toán không dùng tiền mặt bằng các giải pháp tài chính bưu chính...

Tính đến hết tháng 12/2018, đã có 428 doanh nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính cấp giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính. Doanh thu từ hoạt động bưu chính tăng mạnh, từ gần 410 triệu USD năm 2016 lên hơn 650 triệu USD năm 2017 và năm 2018 dự kiến khoảng 900 triệu USD. Với việc đầu tư công nghệ vào quy trình sản xuất, cung ứng dịch vụ đã được nhiều doanh nghiệp chú trọng dẫn đến nhân lực bưu chính có xu hướng giảm, cụ thể: Năm 2016 có hơn 38.500 lao động, năm 2017 có khoảng 34.700 người (giảm gần 10%). Tuy nhiên, hiệu quả cũng như hiệu suất lao động trong lĩnh vực tăng hàng năm.

Một số kết quả nổi bật mà các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính đã đạt được trong thời gian vừa qua như sau: VNPost đã khánh thành Trung tâm Vận chuyển và Kho vận khu vực phía Nam (với dây chuyền khai thác chia chọn tự động có công suất 18.000 bưu gửi/giờ và các công cụ, dụng cụ tối ưu cho hoạt động sản xuất như: xe lồng, xe nâng và các công cụ dụng cụ khác). Tiến tới sẽ thành lập 7 trung tâm Vận chuyển và kho vận tại 3 Hub lớn của Việt Nam. Viettel Post có 1.029 bưu cục, 9 trung tâm chia chọn khai thác, 83 chi nhánh tại 63 tỉnh, thành trên cả nước. Tháng 7/2018, Viettel Post đã khai trương bưu cục đạt chuẩn “5 sao”; đồng thời đưa vào vận hành chính thức băng chuyền chia chọn tự động tại Trung tâm khai thác 1 tại Hà Nội. Lazada có 25 bưu cục, 63 điểm phục vụ, 2 trung tâm chia chọn khai thác... Tháng 6/2018, Lazada đã triển khai hệ thống phân loại hàng hóa tự động thứ hai với diện tích gần 1 ha, được đặt tại Trung tâm Logistic Hateco...

5. Về mục tiêu thiết lập các hệ thống quản lý, giám sát giao dịch thương mại điện tử

a. Về hệ thống quản lý hoạt động TMĐT

Hiện nay, Bộ Công Thương đang vận hành Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT www.online.gov.vn. Theo đó, thương nhân, tổ chức, cá nhân thực hiện thông báo, đăng ký website/ứng dụng TMĐT thực hiện hoàn toàn trực tuyến. Đây là hoạt động quan trọng trong quản lý hoạt động TMĐT, hỗ trợ minh bạch hóa thông tin, hỗ trợ công tác quản lý hoạt động TMĐT cũng như công tác bảo vệ người tiêu dùng trong giải quyết tranh chấp khi các giao dịch diễn ra. Hàng hóa, dịch vụ được giới thiệu trên mạng được yêu cầu cung cấp những thông tin cơ bản, chính xác để khách hàng có thể xác định đặc tính của hàng hóa, dịch vụ tránh sự hiểu lầm khi quyết định giao dịch; đối với thông tin về người sở hữu website/ứng dụng TMĐT, các thông tin tối thiểu cũng phải được công bố công khai trên giao diện của website/ứng dụng TMĐT. *Số liệu website/ứng dụng TMĐT được duyệt thông báo/dăng ký trực tuyến thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT được báo cáo tại Phụ lục 1 kèm theo.*

b. Liên quan đến hoạt động giám sát giao dịch TMDT

Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin với chức năng giám sát trung tâm, là đầu mối kỹ thuật về giám sát, hỗ trợ bảo đảm an toàn thông tin cho người dân, doanh nghiệp và các hệ thống thông tin của Đảng, Nhà nước theo quy định của pháp luật; quản lý, vận hành các hệ thống số liệu, cơ sở dữ liệu về an toàn thông tin, hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia phục vụ công tác quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về an toàn thông tin. Trong đó, Trung tâm đang thực hiện nhiệm vụ giám sát từ xa cho một số trang thương mại điện tử. Thời gian vừa qua, Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các sự cố liên quan đến an toàn thông tin của các trang thương mại điện tử như trường hợp của FPT Shop, Thế giới di động, Lotte.

Ngoài ra, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cùng các doanh nghiệp trong lĩnh vực an toàn thông tin hình thành liên minh phòng, chống mã độc; đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương tăng cường nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại. Chủ trì, phối hợp với các Sở Thông tin và Truyền thông, nhà cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp an toàn thông tin tổ chức bóc gỡ, xử lý mã độc lây nhiễm thiết bị công nghệ thông tin trong các cơ quan, tổ chức nhà nước tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các khóa đào tạo về dịch vụ chứng thực chữ ký số rộng rãi cho nhiều đối tượng: cơ quan nhà nước, CA công cộng, các đại lý cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, các CA chuyên dùng và các ngân hàng thương mại. Tổ chức kiểm tra, đối soát số liệu chứng thư số của các CA công cộng.

6. Về ứng dụng thương mại điện tử trong cơ quan nhà nước

a. Về kết quả triển khai dịch vụ công của các Bộ, ngành Trung ương

Về mục tiêu “100% các dịch vụ công của các Bộ, ngành Trung ương được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 vào năm 2016”: Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến hết năm 2018, cả nước có trên 46.800 thủ tục hành chính (TTHC) được cung cấp trực tuyến tới mức độ người dân, doanh nghiệp có thể gửi, nhận hồ sơ qua mạng, thanh toán trực tuyến mà không cần phải đến giao dịch trực tiếp tại cơ quan nhà nước hoặc chỉ đến 1 lần duy nhất (dịch vụ công mức độ 3,4). Theo đánh giá của Liên Hợp Quốc, chỉ số phát triển dịch vụ công trực tuyến của Việt Nam đã tăng 22 bậc từ 81/193 năm 2010 lên 59/193 năm 2019.

Liên quan đến mục tiêu “50% dịch vụ công liên quan tới xuất nhập khẩu được cung cấp trực tuyến mức độ 4 vào năm 2020”: Về cơ bản mục tiêu đã được hoàn thành với 162/181 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan đã

được cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4 (đạt tỷ lệ 90%) trong đó có các thủ tục hành chính cốt lõi liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa, thương mại và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mục tiêu “100% các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, 50% gói thầu mua sắm công được thực hiện trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia”: Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến năm 2018, 100% các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng đã được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Tỷ lệ gói thầu mua sắm công được thực hiện trên Hệ thống đạt 18%, dự kiến đạt tỷ lệ 50% theo mục tiêu đến năm 2020, qua đó đưa tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng bằng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi đạt tối thiểu 50% số lượng gói thầu và 15% tổng giá gói thầu.

Đối với mục tiêu “Toàn bộ các thủ tục hành chính trên Cơ chế một cửa quốc gia được triển khai dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia cho tất cả các Bộ, ngành, địa phương về phạm vi, đối tượng”: Theo Tổng Cục Hải quan, tính đến ngày 15/3/2019, Cơ chế một cửa quốc gia đã có 173 thủ tục hành chính của 13 Bộ, ngành kết nối, với gần 1,9 triệu hồ sơ của khoảng 27 ngành doanh nghiệp. Dự kiến đến hết quý I năm 2019, tổng số TTHC sẽ triển khai trên Cơ chế một cửa quốc gia là 180/250 tổng số TTHC.

Mục tiêu “Kết nối đầy đủ Cơ chế một cửa Asean và sẵn sàng kết nối trao đổi thông tin với các đối tác thương mại ngoài Asean để tạo thuận lợi cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam và tăng cường kiểm soát đối với hàng nhập khẩu”:

Theo Tổng cục Hải quan, từ ngày 1/1/2018, Việt Nam đã chính thức trao đổi thông tin C/O mẫu D điện tử với 4 nước Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan và sử dụng chứng từ này để làm căn cứ để áp dụng mức ưu đãi thuế quan theo Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN. Tính đến ngày 15/3/2019, tổng số C/O Việt Nam nhận từ 04 nước ASEAN LÀ 69.294. Tổng số C/O Việt Nam gửi sang các nước là 121.606.

Theo thông báo của Brunei, dự kiến Brunei sẽ sẵn sàng kết nối chính thức với các nước ASEAN để trao đổi C/O điện tử từ ngày 01/4/2019. Như vậy, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Công Thương triển khai Cơ chế một cửa ASEAN theo đúng kế hoạch, đồng thời đang phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật để sẵn sàng trao đổi thông tin tờ khai hải quan ASEAN và chứng nhận kiểm dịch động thực vật.

Tổng cục Hải quan cũng đang phối hợp với các bộ ngành tiến hành đàm phán để hoàn thiện các Nghị định thư, thống nhất yêu cầu kỹ thuật, xây dựng hệ thống để trao đổi thông tin tờ khai hải quan, chứng nhận xuất xứ với Liên minh kinh tế Á – Âu; đàm phán để trao đổi thông tin C/O điện tử với Hàn Quốc.

b. Về kết quả triển khai hoạt động đấu thầu qua mạng

Với mục tiêu hoàn thiện khung pháp lý về đấu thầu qua mạng, đẩy mạnh triển khai hoạt động đấu thầu qua mạng trong mua sắm Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành nhiều văn bản pháp lý hướng dẫn đấu thầu qua mạng. Theo đó đến nay, hệ thống văn bản pháp luật đối với đấu thầu qua mạng đã được đảm bảo cơ bản đầy đủ, chuẩn hóa. Cụ thể như sau:

+ Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng;

+ Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT ngày 29/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng;

+ Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

+ Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

+ Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Để đẩy mạnh việc triển khai hoạt động đấu thầu qua mạng trong mua sắm Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản quan trọng, chỉ đạo quyết liệt để thúc đẩy việc áp dụng đấu thầu qua mạng như:

+ Quyết định số 1402/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể và lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016-2025.

+ Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước.

Với mục tiêu đẩy mạnh việc cung cấp thông tin và thực hiện các gói thầu mua sắm công trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, phấn đấu đến năm 2020 100% các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Căn cứ quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ 01/3/2018, bên mời thầu phải tự đăng tải (miễn phí) các thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu từ dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đến kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các thông tin này đã được quản lý có tính hệ thống, kết nối với nhau đảm bảo bên mời thầu phải tuân thủ việc đăng tải đầy đủ thông tin về đấu thầu theo quy định, đồng thời cũng giúp cơ quan quản lý kịp thời phát hiện các chủ đầu tư, bên mời thầu cố tình không công khai thông tin.

II. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Về hạ tầng pháp lý liên quan thương mại điện tử

Hạ tầng pháp luật và cơ chế chính sách về TMĐT trong thời gian vừa qua đã có vai trò rất tích cực trong việc tạo dựng môi trường cho sự phát triển của TMĐT tại Việt Nam. Trong đó, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT (Nghị định số 52) mặc dù định danh rõ nét các mô hình TMĐT ở thời điểm đó, quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hoạt động TMĐT theo hướng tạo điều kiện để doanh nghiệp kinh doanh, người dân thực hiện mua bán trên môi trường điện tử. Tuy nhiên, sau 06 năm triển khai Nghị định nói trên, thực tiễn cho thấy nhiều nội dung chưa được điều chỉnh, điển hình như phạm vi điều chỉnh của Nghị định không bao gồm đối tượng cung cấp hoạt động TMĐT xuyên biên giới; do đó, việc quản lý hoạt động mua bán hàng hóa trên các mạng xã hội/các website, ứng dụng TMĐT của nước ngoài tại thị trường Việt Nam còn chưa được điều chỉnh. Mặt khác, chế tài xử lý vi phạm hành chính tại Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định *xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, chưa bao quát được tất cả hành vi trong TMĐT. Nguyên nhân của các hạn chế nói trên chủ yếu do:

- Sự đổi mới liên tục của công nghệ mà hoạt động TMĐT là lĩnh vực chịu nhiều tác động nhất dẫn tới việc các văn bản, chính sách hiện hành chưa đáp ứng, theo kịp xu hướng và thực tiễn trong môi trường kinh doanh số hóa.

- Nhiều mô hình TMĐT mới xuất hiện, đa dạng về cách thức hoạt động, đặc biệt các mô hình có tính chất xuyên biên giới, phức tạp về chủ thể tham gia và chưa được điều chỉnh bởi các khuôn khổ pháp luật hiện hành.

- Những vi phạm liên quan tới hàng giả, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, buôn lậu, gian lận thương mại ngày càng trở nên tinh vi. Việc lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh các mặt hàng nói trên diễn biến phức tạp; do đặc điểm của TMĐT, việc thu thập thông tin, thu thập chứng cứ, sử dụng công nghệ trong điều tra vụ việc còn gặp nhiều khó khăn.

2. Về dịch vụ bưu chính, logistics cho thương mại điện tử

Thị trường bưu chính chuyển phát hiện nay vẫn chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ, nguồn lực tài chính không đủ để thích ứng với khoa học công nghệ, việc ứng dụng CNTT còn chậm chưa bắt kịp được yêu cầu của xu thế, dẫn đến năng lực cạnh tranh kém, nhất là so với các doanh nghiệp logistics có vốn đầu tư nước ngoài.

Một số doanh nghiệp bưu chính chuyển phát lớn như VNPost, Viettel Post...gặp khó khăn về quỹ đất, hạ tầng mặt bằng để xây dựng hệ thống kho bãi, trung tâm khai thác, chia chọn... nhất là tại các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vũng Tàu, Cần Thơ... Mặt khác, hầu hết các doanh nghiệp bưu chính chuyển phát đều thiếu nhân lực có trình độ và kinh nghiệm về TMĐT cũng như logistics. Trình độ lao động trong bưu chính về cơ bản chưa đáp ứng được đòi hỏi/yêu cầu của việc áp dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0, phục vụ cho TMĐT.

Dịch vụ logistics – giao hàng chặng cuối – hoàn tất đơn hàng còn nhiều hạn chế. Theo thông tin của Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, hầu hết các doanh nghiệp chuyển phát có kho riêng, tuy nhiên năng lực kho chưa đáp ứng nhu cầu nên phần lớn các doanh nghiệp chuyển phát vẫn phải thuê ngoài. Công nghệ quản lý kho lạc hậu, chi phí lưu kho và quản lý kho còn cao (ở nhiều doanh nghiệp chi phí này chiếm trên 20% tổng doanh thu)

Hiện Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động bưu chính. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về hoạt động logistics, trong đó có chuyển phát. Thực tế có rất nhiều doanh nghiệp chuyển phát trong TMĐT bản thân vừa là doanh nghiệp bưu chính, vừa là doanh nghiệp chuyển phát. Do đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các Bộ, ngành trong việc thúc đẩy hoạt động chuyển phát phát triển.

3. Về hạ tầng thanh toán cho thương mại điện tử

Việc thanh toán bằng tiền mặt vẫn là chủ yếu do thói quen sử dụng tiền mặt vẫn còn khá phổ biến trong các giao dịch dân sự của người dân. Thanh toán trực tuyến trong TMĐT chưa tương xứng với tiềm năng phát triển (bán hàng qua mạng nhưng khi thanh toán vẫn chủ yếu bằng tiền mặt). Khảo sát năm 2019 cho thấy, có hơn 80% người dân vẫn ưu tiên lựa chọn hình thức nhận hàng trả tiền (COD) cho các giao dịch mua sản phẩm/dịch vụ trên Internet. Bên cạnh nguyên nhân tỷ trọng COD cao do thiếu lòng tin khi mua hàng trên các website/ứng dụng TMĐT, còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập, cần xử lý, như: lừa đảo qua mạng, trình độ văn minh thương mại, tâm lý ngại tiếp cận với công nghệ mới, ngại công khai hóa thu nhập, doanh thu, sử dụng tiền mặt với những mục đích không minh bạch...

Về các giao dịch thanh toán dịch vụ công ích qua ngân hàng được đánh giá chưa nhiều, đặc biệt là ở địa bàn vùng sâu, vùng xa; việc kết nối giữa ngân hàng với các tổ chức cung ứng dịch vụ công ích vẫn còn có những khó khăn, tốc độ triển khai chậm.

4. Về ứng dụng thương mại điện tử trong cơ quan nhà nước

Một số hạn chế và nguyên nhân của việc triển khai đấu thầu qua mạng:

- Tỷ lệ đấu thầu qua mạng chưa đạt chỉ tiêu theo lộ trình quy định: Trong giai đoạn 2016-2018, việc thực hiện đấu thầu qua mạng tại các Bộ, ngành, địa phương còn rất chậm, còn nhiều đơn vị trên cả nước không đảm bảo yêu cầu theo quy định. Tỷ lệ các gói thầu mua sắm công được thực hiện qua mạng mới chỉ đạt 18%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đề ra là đạt 50% vào năm 2020;

- Tính cạnh tranh, hiệu quả kinh tế của đấu thầu qua mạng chưa được khai thác tối đa: Số liệu thống kê cho thấy số lượng nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống nhiều nhưng tỷ lệ tham gia đấu thầu qua mạng rất thấp (chỉ chiếm tỷ lệ 4,6%). Điều này cho thấy các nhà thầu chưa thực sự quan tâm, hưởng ứng tham gia các gói thầu đấu thầu qua mạng, nhiều doanh nghiệp vẫn còn tồn tại tư duy ngại thay đổi, không muốn tham gia các gói thầu thực sự cạnh tranh hoặc chưa hiểu rõ về sự minh bạch trong đấu thầu qua mạng;

- Tổng giá trị các gói thầu đấu thầu qua mạng còn chiếm tỷ trọng chưa cao: Mặc dù có một số gói thầu giá trị lớn đã thực hiện qua mạng tuy nhiên tổng giá trị gói thầu đấu thầu qua mạng chưa cao so với tổng giá trị các gói thầu trên cả nước (năm 2016 là 4.898 tỷ đồng, năm 2017 là 12.660 tỷ đồng, năm 2018 là 46.937 tỷ đồng), chưa tận dụng được lợi ích của đấu thầu qua mạng;

- Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật của Hệ thống còn hạn chế, một số tính năng chưa thân thiện với người sử dụng: Tại một số địa phương điều kiện về công nghệ thông tin, internet còn hạn chế, hạ tầng kỹ thuật hệ thống mạng đấu thầu

quốc gia hiện tại được phát triển trên nền tảng công nghệ của Hệ thống KONEPS do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ từ năm 2009 nên người dùng còn gặp một số trở ngại khi thao tác trên Hệ thống như chỉ tương thích với trình duyệt Internet Explorer;

- Giá trị pháp lý của văn bản điện tử giao dịch trên Hệ thống chưa được các bên liên quan nhận thức và công nhận đầy đủ: Mặc dù văn bản điện tử trên Hệ thống đã được công nhận giá trị pháp lý và làm cơ sở cho việc đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm toán và giải ngân. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều bên mời thầu vẫn phải chuẩn bị hồ sơ giấy để phục vụ các nghiệp vụ liên quan làm cho hiệu quả của đấu thầu qua mạng giảm đáng kể.

Nguyên nhân của các nội dung nêu trên tập trung ở một số điểm sau:

- Sự thiếu quyết tâm chính trị của người đứng đầu: Qua thực tế triển khai những năm qua cho thấy, tại những cơ quan, đơn vị nào người đứng đầu triển khai quyết liệt thì tỷ lệ triển khai chuyển biến tích cực, điển hình là thành phố Đà Nẵng, Hòa Bình và Thanh Hóa. Các tỉnh/thành này trước đây tỷ lệ đấu thầu qua mạng không cao, tuy nhiên sau khi lãnh đạo Ủy ban nhân dân có văn bản chỉ đạo quyết liệt, xác định rõ trách nhiệm và nêu rõ tiêu chí gói thầu bắt buộc phải đấu thầu qua mạng, tỷ lệ đấu thầu qua mạng tại các địa phương đã có chuyển biến rõ rệt;

- Quy định áp dụng đấu thầu qua mạng tại các văn bản liên quan còn chưa thực sự phù hợp với thực tế: Theo Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng, trong giai đoạn 2016-2018, các Bộ, ngành, địa phương phải thực hiện đấu thầu qua mạng với lộ trình theo tỷ lệ phần trăm số lượng các gói thầu sử dụng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi quy mô nhỏ. Tuy nhiên việc quy định như vậy khiến việc lựa chọn gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng mang tính chủ quan, chưa có tiêu chí lựa chọn cụ thể;

- Tâm lý ngại thay đổi của các chủ đầu tư, bên mời thầu: Thực tế quá trình triển khai cho thấy còn một số lượng không nhỏ chủ đầu tư, bên mời thầu có tâm lý “ngại”, không muốn áp dụng đấu thầu qua mạng. Tình trạng này xuất phát từ tâm lý ngại áp dụng quy trình mới và một phần cũng là do việc áp dụng hình thức đấu thầu qua mạng công khai, minh bạch hơn;

- Hạn chế về công nghệ, kỹ thuật của Hệ thống: Hệ thống hiện tại vẫn đang được vận hành, chỉnh sửa, nâng cấp trên cơ sở hệ thống do Hàn Quốc bàn giao từ năm 2009. Bộ đã thường xuyên chỉnh sửa, nâng cấp chức năng Hệ thống đáp ứng nhu cầu của người sử dụng và khắc phục các hạn chế như dung lượng

hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên việc mở rộng thêm các tính năng khác trên nền tảng công nghệ của hệ thống Hàn Quốc như đấu thầu các gói thầu chia thành nhiều phần, quản lý hợp đồng... là rất khó khăn;

- Công tác truyền thông về đấu thầu qua mạng còn chưa đủ sức lan tỏa: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thường xuyên, liên tục thực hiện phổ biến, nâng cao nhận thức cho các chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu về lợi ích, cơ hội khi tham gia đấu thầu qua mạng thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, tổ chức các hội thảo, diễn đàn chuyên đề về đấu thầu qua mạng. Tuy nhiên, theo khảo sát nhóm đối tượng là các nhà thầu tham gia vào hệ thống, chỉ có 18% đã biết và sẵn sàng tham gia đấu thầu qua mạng, 82% chưa biết hoặc đã nghe nói nhưng chưa sẵn sàng tham gia. Các doanh nghiệp chưa bao giờ tham gia thị trường mua sắm chính phủ hầu hết chưa nhận biết được cơ hội thắng thầu khi tham gia đấu thầu qua mạng cũng như những hiệu quả thực sự mà hình thức đấu thầu qua mạng mang lại.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá chung

Cùng với xu hướng phát triển của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0, kinh tế số (KTS) là yếu tố quan trọng tác động ảnh hưởng lớn đến đời sống, xã hội và cơ cấu của nền kinh tế. Thương mại dần được toàn cầu hóa; công nghệ cao và các mô hình kinh doanh mới ngày càng phát triển. TMĐT là một trong những lĩnh vực mấu chốt của nền kinh tế số vì thế cũng được mở rộng. Các mô hình TMĐT ngày càng đổi mới, các chuỗi cung ứng truyền thống với sự hỗ trợ của sức mạnh lan tỏa của số hóa và công nghệ thông tin trở thành chuỗi cung ứng thông minh, đem lại hiệu quả cho nền kinh tế số. TMĐT tại Việt Nam có tiền đề phát triển tốt với trình độ cũng như tốc độ phát triển ở mức độ cao của khu vực.

Trong tương lai, việc ứng dụng các công nghệ số đặc biệt các công nghệ của cuộc CMCN 4.0 sẽ tiếp tục tạo ra những thay đổi về chất của TMĐT, dẫn đến tác động sâu hơn tới diện mạo của hoạt động thương mại và hệ thống phân phối nói chung, cụ thể:

- TMĐT phát triển ở trình độ cao sẽ làm thay đổi cách thức tổ chức hệ thống phân phối và các hình thái thương mại truyền thống. Số lượng chợ, siêu thị, cửa hàng truyền thống sẽ giảm, thay vào đó là các mô hình phân phối trực tiếp từ kho đến người tiêu dùng, đòi hỏi một hệ thống logistics và giao hàng chặng cuối phải được tổ chức chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng.

- TMĐT không còn là phương thức bán hàng một chiều, phân phối hàng hóa một cách từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng, mà sẽ trở thành phương thức giao tiếp hai chiều giữa người bán với người mua, để nhà sản xuất tiếp nhận kịp thời các tín hiệu thị trường, trên cơ sở đó điều chỉnh hoạt động kinh doanh trong thời gian ngắn nhất cũng như tiết kiệm cao nhất các nguồn lực dư thừa. Sản phẩm sẽ được tùy biến, thậm chí cá thể hóa nhằm đáp ứng sát nhu cầu của người tiêu dùng.

- TMĐT với các ứng dụng điện toán đám mây, dữ liệu lớn sẽ làm biến đổi các khái niệm truyền thống về biên giới thương mại. Một tỷ trọng lớn giao dịch TMĐT B2C (giao dịch doanh nghiệp với người tiêu dùng) được thực hiện giữa các chủ thể thuộc những vùng lãnh thổ khác nhau, làm phát sinh dòng lưu chuyển hàng hóa qua biên giới ở một quy mô và hình thái hoàn toàn mới (hàng hóa nhỏ lẻ, không đồng nhất về chất lượng và quy cách, tần suất thông quan lớn), kéo theo sự phát triển của các dịch vụ phụ trợ và dòng luân chuyển tiền tệ, làm biến đổi khái niệm thông thường về hoạt động xuất nhập khẩu hiện nay.

- Các công nghệ của CMCN 4.0 sẽ hình thành nên những mô hình TMĐT, thậm chí là mô hình kinh doanh hoàn toàn mới (một ví dụ nổi bật là mô hình kinh tế chia sẻ). Những mô hình kinh doanh này có tính chất xuyên biên giới, đa dạng về chủ thể tham gia, phức tạp về cách thức hoạt động, vượt khỏi các khuôn mẫu kinh doanh truyền thống và đòi hỏi sự thay đổi về tư duy quản lý cũng như các cơ chế quản lý hiện hành để tạo không gian cho sự sáng tạo và phát triển, hướng tới mục tiêu cuối cùng là lợi ích cho doanh nghiệp cũng như cộng đồng.

Tóm lại, việc ứng dụng rộng rãi các công nghệ của CMCN 4.0 sẽ đem đến một sự biến đổi về chất cho TMĐT nói riêng và thương mại nói chung trong thời gian tới, từ đó tác động ngược trở lại các quy trình sản xuất và tổ chức hoạt động kinh doanh để hình thành nên nền kinh tế số. Những biến đổi này sẽ đặt ra yêu cầu mới cho việc xem xét lại toàn diện các cơ chế chính sách hiện hành, khi mà các quy định pháp luật, thể chế, mô hình quản lý không còn phù hợp với những mô hình hoạt động của nền kinh tế số tương lai.

2. Kiến nghị

Nhằm kế thừa và phát huy các kết quả đạt được, khắc phục những điểm còn hạn chế sau 5 năm thực hiện Quyết định 1563, Bộ Công Thương xin kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong năm 2020 Kế hoạch tổng thể phát triển Thương mại điện tử cho giai đoạn 5 năm tới (2021-2025), với mục tiêu xây dựng thị trường TMĐT lành mạnh, có tính cạnh tranh bền vững phù hợp với bối cảnh phát triển của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0 nói chung và nền kinh tế số nói riêng, trong đó chú trọng một số nội dung sau:

a. Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển TMĐT trong bối cảnh CMCN 4.0. Đồng thời, nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động TMĐT, đấu tranh chống các hành vi gian lận thương mại, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh không lành mạnh trong TMĐT.

b. Đẩy mạnh đầu tư công nghệ để phát triển TMĐT theo chiều sâu, khuyến khích các doanh nghiệp TMĐT tiên phong tập trung phát triển những ứng dụng tiên tiến trên nền tảng công nghệ mới của cuộc CMCN lần thứ tư, từ đó nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của thị trường TMĐT Việt Nam, coi đây là một động lực cho sự phát triển của kinh tế số trong thời gian tới.

c. Chú trọng và các giải pháp xây dựng thị trường, nâng cao lòng tin người tiêu dùng trong TMĐT. Theo đó, mục tiêu thu hẹp về khoảng cách giữa các thành phố lớn và các địa phương về mức độ phát triển TMĐT. Tập trung các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi TMĐT trong doanh nghiệp và cộng đồng.

d. Về hạ tầng thanh toán điện tử, tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong hoạt động thanh toán, các dịch vụ thanh toán mới; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật để thúc đẩy thanh toán điện tử, hạn chế việc thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch thanh toán trong nền kinh tế. Theo đó, tăng cường ứng dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt mới, hiện đại, tiện ích, tiện lợi, dễ sử dụng (như thanh toán qua QR code, điện thoại, Internet, thẻ phi tiếp xúc...), áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn tiên tiến để đáp ứng tốt hơn yêu cầu thanh toán của nền kinh tế

e. Về hạ tầng chuyển phát và logistic cho TMĐT, đặc biệt nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy lĩnh vực bưu chính phát triển làm hạ tầng chuyển phát và logistics cho thương mại điện tử. Theo đó, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bưu chính đáp ứng sự phát triển của thị trường thông qua việc rà soát, tháo gỡ khó khăn, rào cản cho doanh nghiệp; xây dựng định hướng, chiến lược để lĩnh vực bưu chính tiếp tục phát triển nhanh và bền vững.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai mục tiêu, cùng với nhận xét đánh giá về TMĐT Việt Nam sau 05 năm thực hiện Kế hoạch tổng thể giai đoạn 2016 – 2020 và giải pháp phát triển thị trường TMĐT giai đoạn 2021 – 2025, Bộ Công Thương xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

PHỤ LỤC 1

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

I. Hoàn thiện hạ tầng pháp luật về thương mại điện tử

1. Cải cách, cắt bỏ một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử

Thực hiện chủ trương của Chính phủ trong việc cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh, ngày 15/01/2018, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Trong đó, một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực TMĐT quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, cắt giảm tại Chương V Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, bao gồm một số nội dung chính sau:

- Đối tượng thiết lập website TMĐT bán hàng không bị hạn chế bắt buộc phải là tổ chức mà có chức năng, nhiệm vụ có bao gồm việc tổ chức hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc tiến hành hoạt động thương mại điện tử, mà chỉ cần là thương nhân, tổ chức và cá nhân thì các đối tượng này đã được phép thiết lập website TMĐT bán hàng;

- Bãi bỏ điều kiện kinh doanh đối với đối tượng thiết lập website cung cấp dịch vụ TMĐT phải là thương nhân hoặc tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xúc tiến thương mại hoặc hỗ trợ doanh nghiệp. Như vậy, đối tượng được phép đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT chỉ cần là thương nhân hoặc tổ chức đều có thể xây dựng và vận hành website;

- Đối tượng được phép đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT được mở rộng “là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam” và không cần phải “là tổ chức xúc tiến thương mại hoặc hỗ trợ doanh nghiệp; là cơ quan truyền thông, hiệp hội ngành hàng hoặc tổ chức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; là thương nhân có đăng ký kinh doanh ngành nghề dịch vụ thương mại điện tử và đã triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ này”.

2. Tăng cường kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam đối với tổ chức kinh tế nước ngoài

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định 09), Nghị định cũng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018. Nghị định này thay thế Nghị định số 23/2007/NĐ-CP

ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Nghị định có một số quy định mới về các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT. Theo đó, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam phải có **Giấy phép kinh doanh** và thời hạn kinh doanh đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT là **05 năm**.

3. Sửa đổi những quy định của pháp luật mang tính rào cản cho việc ứng dụng thương mại điện tử liên quan đến hoạt động khuyến mại

Ngày 22/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, thay thế Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4/4/2006. Khi thực hiện Nghị định số 37/2006/NĐ-CP, nhiều doanh nghiệp TMĐT gặp khó khăn khi phải thực hiện thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại với nhiều Sở Công Thương do phạm vi hoạt động của TMĐT là rất rộng. Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã khắc phục vướng mắc trên. Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định thương nhân nếu chỉ thực hiện bán hàng, khuyến mại thông qua sàn giao dịch TMĐT, website khuyến mại trực tuyến thì không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại.

Ngoài ra, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã nới rộng hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại là 100% đối với Chương trình khuyến mại tập trung và các Chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Quản lý thuế TMĐT xuyên biên giới và các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, dịch vụ

4.1. Bổ sung các quy định quản lý thuế xuyên biên giới

Để thực sự thúc đẩy giao dịch điện tử trong quản lý thuế nói chung và TMĐT nói riêng ở khía cạnh vừa tạo thuận lợi cho người nộp thuế, vừa bao quát và kiểm soát nguồn thu phát sinh từ hoạt động TMĐT, đặc biệt là các giao dịch xuyên biên giới thì cần phải có các quy định cụ thể cũng như chuẩn bị sẵn sàng các biện pháp quản lý thuế đối với hình thức kinh doanh mới này.

Luật Quản lý thuế được thông qua ngày 13/6/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2020 đã có các quy định cụ thể đối với việc cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua kênh TMĐT. Luật đã bổ sung các nội dung liên quan đến việc quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT nhằm hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế trong lĩnh vực TMĐT. Bổ sung quy định cho phép các nhà cung

cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động TMĐT thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam. Ngoài ra, để quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh này đạt được hiệu quả, cùng với việc thực hiện quy định của pháp luật về thuế, Luật Quản lý thuế bổ sung quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, các tổ chức, đơn vị liên quan. Một số nội dung cụ thể như sau:

- Ngân hàng thương mại phải có trách nhiệm “khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh TMĐT có phát sinh thu nhập từ Việt Nam” (khoản 3 Điều 27);

- Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 4 Điều 42);

- Doanh nghiệp kinh doanh ở lĩnh vực thương mại điện tử được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp rủi ro về thuế cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (khoản 2 Điều 91).

4.2. Hoàn thiện hạ tầng pháp luật về hóa đơn điện tử

Ngày 12/9/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Tại Nghị định này, Chính phủ yêu cầu việc thực hiện hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ và cá nhân kinh doanh phải được hoàn thành chậm nhất là ngày 01/11/2020.

Nghị định cũng quy định: “Doanh nghiệp kinh doanh ở các lĩnh vực: điện lực; xăng dầu; bưu chính viễn thông; vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy; nước sạch; tài chính tín dụng; bảo hiểm; y tế; **kinh doanh thương mại điện tử**; kinh doanh siêu thị; thương mại và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và đảm bảo việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì **được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế** (trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này và trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) khi

bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ” (Khoản 2 Điều 12).

Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp áp dụng hóa đơn điện tử, Nghị định này quy định cụ thể về các đối tượng được cơ quan thuế cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã miễn phí (Điều 13 Nghị định 119/2018/NĐ-CP).

Hiện nay trên phạm vi cả nước có khoảng hơn 1000 doanh nghiệp thực hiện hóa đơn điện tử: Cơ bản các tỉnh, thành trên cả nước đều có doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, là các doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, có hạ tầng công nghệ thông tin phát triển (như Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (VNA), Công ty Vận tải đường sắt Sài Gòn Hà Nội...). Việc áp dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nêu trên được đánh giá mang lại kết quả tốt, được khách hàng chấp thuận, mang lại hiệu quả thiết thực về thời gian và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp; qua đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kinh doanh, hạch toán kế toán nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Về phía khách hàng: khách hàng đã hợp tác hơn với doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. Việc sử dụng hóa đơn điện tử đã giúp khách hàng thuận tiện trong thanh toán, khách hàng có thể truy cập vào Website của bên bán để xem và tải hóa đơn khi cần do đó khách hàng không phải lưu trữ, bảo quản hóa đơn, tránh rủi ro mất hóa đơn và tiết kiệm được chi phí do không phải in ra giấy.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1209/QĐ-TCT ngày 23/6/2015 về thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế cho các doanh nghiệp tại 03 thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Tính đến hết tháng 3/2019 kết quả đã có hơn 319 Doanh nghiệp đã được phê duyệt tham gia triển khai thí điểm, 279 Doanh nghiệp đã đăng ký phát hành hóa đơn và 255 Doanh nghiệp đã xuất hóa đơn với hơn 7 triệu hóa đơn đã được cấp mã xác thực.

Qua hơn 03 năm triển khai thí điểm, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế đã dần đi vào thực tiễn và một số doanh nghiệp tham gia thí điểm đã lựa chọn sử dụng để thay thế các hình thức hóa đơn trước đây. Nhiều doanh nghiệp nhận thấy lợi ích của hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế đã liên hệ đến Cục Thuế để đăng ký được tham gia triển khai thí điểm cho thấy mức độ cần thiết sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực.

4.3. *Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho các dịch vụ khai nộp thuế, hoàn thuế đối với đối tượng nộp thuế là cá nhân, doanh nghiệp*

a) Về khai thuế, nộp thuế điện tử đối với cá nhân cho thuê nhà

Nhằm triển khai việc khai và nộp thuế điện tử đối với cá nhân hoạt động cho thuê tài sản, nộp thuế điện tử đối với lệ phí trước bạ (LPTB), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) trên phạm vi toàn quốc, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2715/QĐ-BTC ngày 29/12/2017 về việc triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân điện tử đối với cá nhân cho thuê tài sản. Đến nay việc khai và nộp thuế điện tử đã triển khai tại 32 tỉnh, việc triển khai đã mang lại hiệu quả, tính đến ngày 20/03/2019 đã có khoảng 49.075 tài khoản, tăng 146% so với cùng kỳ năm 2017 (33.646 tài khoản) đăng ký giao dịch điện tử với khoảng 171.360 tờ khai điện tử, tăng 301% cùng kỳ năm 2017 (56.818 tờ khai điện tử) đã được thực hiện.

b) Về nộp thuế điện tử của cá nhân:

Ngày 30/08/2018, Tổng cục Thuế đã ban hành Quyết định số 1403/QĐ-TCT quy định về chuẩn trao đổi dữ liệu giữa hệ thống của Tổng cục Thuế và Ngân hàng thương mại, đơn vị trung gian thanh toán đáp ứng hình thức nộp thuế điện tử bằng hình thức Internet Banking. Căn cứ trên quy định này, Tổng cục Thuế đã phối hợp để kết nối với các Ngân hàng thương mại cổ phần và Công ty có giải pháp thanh toán thuế điện tử như là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Ngân hàng VPBank), Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam (Công ty Napas) cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử cho cá nhân. Từ tháng 9 năm 2017, một số ngân hàng đã chính thức triển khai thí điểm dịch vụ Nộp thuế điện tử với nhiều tiện ích dành cho các cá nhân. Theo đó cá nhân có tài khoản tại các ngân hàng thực hiện việc nộp thuế điện tử theo hình thức Internet Banking của các ngân hàng.

c) Về triển khai dịch vụ khai nộp lệ phí trước bạ (LPTB) điện tử ô tô, xe máy

Triển khai cho tổ chức, cá nhân khai nộp LPTB điện tử: Bộ Tài chính đã ban hành: (i) Thông tư số 05/2018/TT-BTC ngày 22/01/2018 về việc hướng dẫn thí điểm về khai, nộp lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy và trao đổi dữ liệu điện tử thu nộp lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy; (ii) Công văn số 11536/BTC-TCT và Công văn số 11537/BTC-TCT ngày 21/9/2018 gửi Bộ Công An, Bộ Giao Thông vận tải về việc triển khai ký Quy chế phối hợp công tác và trao đổi dữ liệu điện tử thu nộp lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy; (iii)

Hoàn thiện dự thảo Quy chế phối hợp để thống nhất triển khai giữa 03 cơ quan (Đăng kiểm, Thuế, Công an) và chuẩn bị ký kết sau khi triển khai thí điểm khai, nộp LPTB điện tử theo Thông tư số 05/2018/TT-BTC. Hiện nay, Tổng cục Thuế đang tiến hành thử nghiệm hệ thống kết nối với Cục Cảnh sát giao thông (Bộ Công An) triển khai kiểm thử tại Hà Nội. Theo kế hoạch lộ trình sẽ triển khai thí điểm tại Hà Nội, Hồ Chí Minh. Trên cơ sở kết quả thí điểm sẽ triển khai mở rộng đến các tỉnh thành phố trong cả nước trong năm 2019.

d) Thí điểm triển khai, dần dần mở rộng thực hiện nộp thuế điện tử đối với cá nhân kinh doanh thông qua tổ chức nhận ủy nhiệm thu thuế

Ngày 15/6/2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế. Theo đó, tại các địa bàn chưa thực hiện nộp thuế qua phương thức điện tử, Cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm cho các tổ chức thu thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán.

Từ 1/1/2016, Tổng cục Thuế đã thực hiện thí điểm nộp thuế điện tử thông qua tổ chức được ủy nhiệm thu thuế đối với các cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và đã mở rộng thí điểm 2 lần. Ngày 31/5/2018 Tổng cục Thuế tiếp tục ban hành 15 Quyết định mở rộng thí điểm ủy nhiệm thu thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán tại 15 tỉnh trên cả nước. Ngày 19/6/2018, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 2430/TCT-TNCN chỉ đạo 15 Cục thuế triển khai thí điểm ủy nhiệm thu thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán.

Đến nay, đã có 316/711 Chi cục Thuế thuộc 29 Cục Thuế các tỉnh, thành phố tham gia thí điểm ủy nhiệm thu thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán và 316 Chi cục Thuế đã đưa hệ thống ứng dụng vào hoạt động, đáp ứng việc ủy nhiệm thu thuế đối với CNKD nộp thuế khoán thông qua tổ chức được ủy nhiệm thu thuế.

Ngày 10/8/2018, Tổng cục Thuế đã tổ chức hội nghị tập huấn quy trình nghiệp vụ (ban hành kèm theo Quyết định số 1939/QĐ-TCT ngày 06/11/2017) và tổ chức triển khai, hướng dẫn sử dụng ứng dụng CNTT về ủy nhiệm thu thuế cho 29 Cục Thuế đang triển khai thí điểm ủy nhiệm thu thuế và đã chính thức vận hành hệ thống ứng dụng CNTT để truyền dữ liệu cho tổ chức ủy nhiệm thu thuế.

Như vậy, về cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế đã đạt được mục tiêu yêu cầu đặt ra, cụ thể: (i) Đối với người nộp thuế: Gia tăng tiện ích cho người nộp thuế thông qua việc đa dạng hóa các hình thức nộp thuế, tiết kiệm thời gian, công sức của người nộp thuế; thực hiện nộp thuế nhanh chóng, dễ dàng; (ii) Đối với cơ quan thuế: tiết kiệm chi phí, thời gian và nhân lực cho ngành thuế; giảm thiểu sự tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ thuế và người nộp thuế; tránh các rủi ro, tiêu cực tiềm ẩn; (iii) Đối với xã hội: Phù hợp với chủ trương chung của Chính phủ là xã hội hóa các dịch vụ công, tiết kiệm chi phí cho xã hội và ngành thuế thông qua việc tận dụng hệ thống CNTT, hệ thống cơ sở hạ tầng, kinh nghiệm trong công tác quản lý nguồn nhân lực sẵn có của đơn vị nhận ủy nhiệm thu thuế trong công tác thu thuế.

II. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động thương mại điện tử

1. Về nâng cao năng lực quản lý nhà nước về TMĐT tại các địa phương

Thương mại điện tử đã nhận được nhiều sự quan tâm từ các địa phương với 59/63 tỉnh, thành phố đã xây dựng Kế hoạch phát triển TMĐT của địa phương cho giai đoạn 2016 - 2020. Nhằm triển khai Quyết định 1563, đa số các tỉnh, thành phố đã bố trí ngân sách để triển khai các hoạt động quản lý nhà nước về TMĐT, tuyên truyền đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT vào hoạt động sản xuất kinh doanh, v.v...Hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT cũng được tổ chức thường xuyên, bên cạnh các biện pháp hỗ trợ nhằm tạo môi trường lành mạnh, bình đẳng cho TMĐT phát triển.

2. Về xây dựng cơ chế, bộ máy quản lý hoạt động thương mại điện tử

Thực hiện quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, từ năm 2013 Bộ Công Thương đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký/thông báo website TMĐT qua Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT (www.online.gov.vn). Số lượng doanh nghiệp và cá nhân thực hiện thủ tục thông báo/dăng ký tăng nhanh trong giai đoạn 2013 – 2018, cụ thể: từ 1.923 tài khoản doanh nghiệp năm 2013 lên 34.678 tài khoản năm 2018 (tăng 18 lần); từ 305 tài khoản cá nhân năm 2013 lên đến 12.036 năm 2018 (tăng 39,5 lần); từ 344 hồ sơ đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT năm 2013 lên 4.132 hồ sơ năm 2018 (tăng 12 lần); từ 518 hồ sơ thông báo website TMĐT bán hàng lên đến 45.817 hồ sơ năm 2018 (tăng 88,4 lần).

Số liệu thống kê từ Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT cho thấy, đến năm 2018, số lượng website TMĐT bán hàng được xác nhận thông báo là 24.247 website, tăng 37,4 lần so với năm 2013; trong khi đó, số lượng website

cung cấp dịch vụ TMĐT được xác nhận đăng ký năm 2018 là 1.091 website, tăng 6,9 lần so với năm 2013.

Việc thực hiện thông báo, đăng ký website/ứng dụng TMĐT của thương nhân, tổ chức, cá nhân đối với Bộ Công Thương là bước quan trọng trong việc minh bạch hóa thông tin, hỗ trợ công tác quản lý hoạt động TMĐT cũng như công tác bảo vệ người tiêu dùng trong giải quyết tranh chấp khi các giao dịch có các vấn đề xảy ra. Hàng hóa, dịch vụ được giới thiệu trên mạng phải được cung cấp những thông tin cơ bản để khách hàng có thể xác định chính xác đặc tính của hàng hóa, dịch vụ nhằm tránh sự hiểu lầm khi quyết định việc thực hiện giao dịch; đối với thông tin về người sở hữu website/ứng dụng TMĐT, các thông tin tối thiểu cũng phải được công bố công khai trên giao diện của website/ứng dụng TMĐT.

3. Về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm

Thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT, Bộ Công Thương đã tiếp nhận nhiều thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân về các trường hợp vi phạm liên quan đến TMĐT, đây cũng là địa chỉ các thông tin cảnh báo được đăng tải đến người tiêu dùng. Ví dụ, trường hợp xử lý vi phạm trong tháng 8/2018 đối với việc một số website TMĐT đăng bán các sản phẩm đồ chơi trẻ em có sử dụng bản đồ “đường lưỡi bò” trên Biển Đông. Trong thời gian ngắn, Bộ Công Thương đã thông tin tới tất cả các sàn giao dịch TMĐT lớn để yêu cầu (i) kiểm tra, rà soát, gỡ bỏ khỏi website và ứng dụng TMĐT các sản phẩm đồ chơi, ấn phẩm có sử dụng bản đồ nêu trên (nếu có), (ii) đối với các sàn giao dịch TMĐT, triển khai các biện pháp kỹ thuật/bộ lọc, nhân sự kiểm duyệt... nhằm ngăn chặn, loại bỏ và xử lý các sản phẩm vi phạm và các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật khác (nếu có) trên website và ứng dụng TMĐT theo quy định. Kết quả, cùng với việc tháo gỡ các mặt hàng vi phạm pháp luật trên các website, ứng dụng TMĐT, thông qua dữ liệu trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT, cơ quan quản lý chức năng đã nhanh chóng xác minh được đối tượng vi phạm, đồng thời kiểm tra, lập biên bản và thu giữ nhiều thùng hàng của đối tượng này.

Liên quan đến hoạt động thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực TMĐT. Trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, Bộ Công Thương đã tiến hành thanh tra, kiểm tra nhiều trường hợp vi phạm hành chính trong TMĐT, xử lý nhiều trường hợp vi phạm liên quan đến hàng giả hàng nhái trên môi trường mạng. Cụ thể, tổng mức xử phạt vi phạm hành chính năm 2015 là 3.5 tỷ VNĐ, năm 2016 là 4.5 tỷ VNĐ và năm 2017 là gần 6 tỷ đồng, năm 2018 là 7 tỷ đồng.

4. Về hoạt động thống kê thương mại điện tử

Hoạt động thống kê về thương mại điện tử đã được thực hiện ở nhiều phương diện:

- Bộ Công Thương đã chủ trì thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử vào năm 2017 và năm 2019 (Chương trình được thực hiện 2 năm một lần). Mục tiêu của Chương trình là điều tra “Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử” nằm trong bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 2/6/2010;

- Từ năm 2012, Bộ Công Thương biên soạn công bố Sách trắng về TMĐT Việt Nam với các số liệu thống kê tình hình triển khai ứng dụng TMĐT trên toàn quốc, nhằm hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động kinh doanh và hội nhập quốc tế về TMĐT.

- Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng hỗ trợ Hiệp hội TMĐT Việt Nam xây dựng chỉ số sẵn sàng ứng dụng TMĐT (EBI) để làm cơ sở so sánh, đánh giá mức độ triển khai ứng dụng TMĐT giữa các ngành và địa phương.

5. Về tăng cường hợp tác quốc tế trong thương mại điện tử

Trong 5 năm qua, hoạt động hợp tác quốc tế về TMĐT tiếp tục được đẩy mạnh trên cả các diễn đàn đa phương (APEC, ASEAN,...) và trong quan hệ song phương với một số đối tác lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc. Hoạt động hợp tác chủ yếu được tiến hành trong các lĩnh vực: nâng cao năng lực quản lý nhà nước và hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý về TMĐT, thúc đẩy phát triển thương mại phi giấy tờ; hợp tác bảo vệ thông tin cá nhân và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao dịch xuyên biên giới, hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

a. Hợp tác đa phương

- APEC: Chủ trì xây dựng Sáng kiến về Khung Thuận lợi hóa TMĐT xuyên biên giới trong APEC. Sáng kiến là một trong những kết quả nổi bật của năm APEC Việt Nam, là 1 phụ lục của Tuyên bố Liên Bộ trưởng Ngoại giao – Thương mại và hiện diện trong Tuyên bố Cấp cao APEC 2017;

- ASEAN: Hoàn tất đàm phán và phê duyệt Hiệp định ASEAN về TMĐT với tư cách là đơn vị chủ trì.

b. Hợp tác song phương

- Chủ trì xây dựng Bản ghi nhớ hợp tác về TMĐT Việt Nam- Trung Quốc ký ngày 13 tháng 5 năm 2017 tại Bắc Kinh;

- Chủ trì xây dựng Bản ghi nhớ hợp tác về TMĐT giữa Văn phòng Kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội ký ngày 23 tháng 5 năm 2017 tại Hà Nội;

- Chủ trì xây dựng Bản ghi nhớ thành lập nhóm công tác về hợp tác TMĐT Việt Nam – Trung Quốc ký ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại Hà Nội;

- Chủ trì xây dựng Bản ghi nhớ hợp tác về TMĐT Việt Nam- Áo ký ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại Áo.

III. Hạ tầng thanh toán cho thương mại điện tử

1. Bổ sung, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách, giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM), thanh toán điện tử trong thương mại điện tử

- Thực hiện chủ trương phát triển TTKDTM nói chung, thúc đẩy thanh toán điện tử trong TMĐT nói riêng của Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 phê duyệt Đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2016-2020*, trong đó có giải pháp phát triển thanh toán điện tử phục vụ TMĐT nhằm: Thúc đẩy thanh toán điện tử trong TMĐT, thực hiện mục tiêu của Quyết định 1563/QĐ-TTg (100% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại có thiết bị chấp nhận thẻ và cho phép người tiêu dùng TTKDTM khi mua hàng; 70% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán hóa đơn của các cá nhân, hộ gia đình qua các hình thức TTKDTM; 50% cá nhân, hộ gia đình ở các thành phố lớn sử dụng phương tiện TTKDTM trong mua sắm, tiêu dùng).

- Để thúc đẩy thanh toán điện tử đối với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích (như: điện, nước, viễn thông, y tế, giáo dục...), cũng như hỗ trợ cung cấp trực tuyến mức độ 4 các dịch vụ khai nộp thuế, hoàn thuế đối với đối tượng nộp thuế; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội* nhằm: Đẩy mạnh thanh toán dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội qua ngân hàng, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của nền kinh tế và phát triển TTKDTM; phấn đấu đến năm 2020: 80% giao dịch nộp thuế tại các thành phố trực thuộc trung ương, thành phố thuộc tỉnh thực hiện qua ngân hàng; 70% số tiền điện tại địa bàn thành phố, quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thanh toán qua ngân hàng; 50% cá nhân, hộ gia đình ở các thành phố lớn thực hiện thanh toán tiền nước qua ngân hàng; 80% số sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng nộp học phí qua ngân hàng; 50% bệnh viện tại các thành phố lớn chấp

nhận thanh toán viện phí qua ngân hàng và 20% số tiền chi trả an sinh xã hội được thực hiện qua ngân hàng.

- Ngân hàng Nhà nước đã rà soát, bổ sung, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo sự đồng bộ và điều kiện thuận lợi hơn, khuyến khích phát triển thanh toán điện tử, tăng cường quản lý thanh toán bằng tiền mặt và bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán điện tử, như:

+ Ngân hàng Nhà nước đã tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 101/2012/NĐ-CP và Nghị định số 80/2016/NĐ-CP về TTKDTM, Nghị định số 222/2013/NĐ-CP về thanh toán bằng tiền mặt để đề xuất Chính phủ xem xét chỉnh sửa, bổ sung nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong hoạt động thanh toán, thúc đẩy phát triển các dịch vụ thanh toán mới, hạn chế việc thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch thanh toán trong nền kinh tế.

+ Ngân hàng Nhà nước đã nghiên cứu đề bổ sung các quy định pháp lý phù hợp đối với các sản phẩm, mô hình, dịch vụ, phương tiện thanh toán dựa trên nền tảng công nghệ mới, hiện đại như ứng dụng thanh toán qua Internet (Internet Payment), trên điện thoại di động (Mobile Payment), ứng dụng công nghệ mã hóa số thẻ (Tokenization), thanh toán phi tiếp xúc (Contactless)... NHNN đã ban hành các Thông tư hướng dẫn về: Dịch vụ TTKDTM, mở và sử dụng tài khoản, hoạt động thẻ ngân hàng, cung ứng dịch vụ TGTT,... Bên cạnh đó, NHNN cũng ban hành Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) về thẻ chip nội địa (theo kế hoạch, mục tiêu đến cuối năm 2020, toàn bộ thẻ nội địa tại Việt Nam sẽ được chuyển đổi từ thẻ từ sang thẻ chip) và TCCS đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía đơn vị chấp nhận thanh toán tại Việt Nam làm cơ sở cho việc áp dụng thống nhất một tiêu chuẩn tại thị trường Việt Nam, đảm bảo tính đồng bộ của hạ tầng thanh toán, tránh lãng phí nguồn lực, tăng cường mức độ an toàn, bảo mật và gia tăng tiện ích cho khách hàng; đồng thời, chỉ đạo triển khai áp dụng TCCS về thẻ chip, QR Code.

+ Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ TGTT rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, áp dụng các quy định về đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán trực tuyến, các dịch vụ thanh toán dựa trên công nghệ cao.

2. Phát triển, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng thanh toán hỗ trợ thanh toán điện tử

Cơ sở hạ tầng và công nghệ thanh toán điện tử thời gian qua tiếp tục được chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả, phục vụ tốt cho TMĐT phát triển.

- Để nâng cấp, mở rộng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH), Ngân hàng Nhà nước đã phê duyệt Dự án Bổ sung một số dịch vụ thanh toán và Tập trung hóa Hệ thống TTĐTLNH. Trong thời gian qua, Hệ thống TTĐTLNH hoạt động ổn định, an toàn, phát huy hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán liên ngân hàng trong toàn quốc. Trong năm 2018, Hệ thống TTĐTLNH đã xử lý tổng cộng 137.594 nghìn giao dịch với giá trị 73.110 nghìn tỷ đồng (tăng 123% về số lượng giao dịch và 48% về giá trị giao dịch so với năm 2015). Hệ thống TTĐTLNH được coi là hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia. Trên nền tảng hệ thống TTĐTLNH hiện đại, hầu hết các ngân hàng tại Việt Nam có thể cung cấp các dịch vụ ngân hàng hiện đại, phạm vi mở rộng, tạo nhiều tiện ích cho các đối tượng khách hàng.

- Để hỗ trợ việc nộp thuế qua hệ thống ngân hàng, Hệ thống TTĐTLNH đã hoàn thành việc kết nối với 64 Chi nhánh Kho bạc Nhà nước (KBNN) trong cả nước, đáp ứng được nhu cầu thu, chi ngân sách của người dân và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, kịp thời. Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp, thực hiện khảo sát tại Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và KBNN để tìm hiểu nghiệp vụ, quy trình thu NSNN; xây dựng danh sách các thông tin thu NSNN trên lệnh thanh toán của Hệ thống TTĐTLNH.

- Hệ thống thanh toán nội bộ của từng NHTM đã có sự phát triển vượt bậc, nhờ sự đầu tư về cơ sở hạ tầng và triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ phục vụ cho hoạt động thanh toán. Hầu hết các NHTM đã thiết lập được hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking), phát triển hệ thống thanh toán nội bộ với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, cho phép các NHTM cung ứng các dịch vụ, phương tiện thanh toán hiện đại cho khách hàng, đáp ứng yêu cầu thanh toán phục vụ TMĐT.

- Cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ TTKDTM tiếp tục được chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả; công tác đảm bảo an ninh, an toàn thanh toán điện tử tiếp tục được coi trọng và tăng cường; đến cuối năm 2018, trên toàn quốc có trên 18.570 ATM và trên 259.200 POS đang hoạt động (tăng tương ứng 9,7% và 16% so với cuối năm 2015); POS hiện đã được lắp đặt tại hầu hết các cơ sở, chuỗi phân phối, bán lẻ, khách sạn lớn, đang mở rộng dần ra các cơ sở y tế, bệnh viện, trường học.

3. Ứng dụng các phương tiện, dịch vụ thanh toán mới, hiện đại

Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và viễn thông, TMĐT tại Việt Nam ngày càng phát triển, các phương tiện và dịch vụ thanh toán mới, hiện đại, như: thẻ ngân hàng, Internet Payment, Internet Payment, Ví điện tử,... ngày càng phát triển, đa dạng hoá đã dần đi vào cuộc sống, góp phần và tạo điều kiện thúc đẩy thanh toán điện tử trong TMĐT:

- Tình hình mở và sử dụng tài khoản cá nhân tiếp tục tăng lên; đến cuối năm 2018 đã đạt khoảng 77,78 triệu tài khoản cá nhân (tăng 32,5% so với cuối năm 2015). Việc phát triển dịch vụ tài khoản cá nhân tạo điều kiện mở rộng dịch vụ thanh toán điện tử hiện đại trong nền kinh tế, thúc đẩy TMĐT phát triển.

- Phát triển thanh toán qua điện thoại di động, Internet:

+ Đến nay, đã có trên 76 Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (TCCUDVTT) triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet và 41 TCCUDVTT thực hiện qua điện thoại di động (ĐTDD). Trong năm 2018, số lượng giao dịch tài chính qua kênh Internet là hơn 255 triệu giao dịch, với giá trị giao dịch khoảng 16 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 207% và 219% so với năm 2015); số lượng giao dịch tài chính qua kênh ĐTDD là hơn 155 triệu giao dịch, với giá trị giao dịch khoảng 1,86 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 214% và 1.289% so với năm 2015).

+ Một số NHTM và công ty công nghệ thông tin, viễn thông tại Việt Nam đã nghiên cứu, hợp tác và đưa các công nghệ mới, hiện đại vào hoạt động thanh toán trên thiết bị di động, với việc áp dụng xác thực vân tay, nhận diện khuôn mặt, sinh trắc, sử dụng QR Code, Tokenization, thanh toán phi tiếp xúc, công nghệ mPOS,... Nhiều NHTM đã phối hợp với nhà cung cấp giải pháp cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ qua ứng dụng Samsung Pay. Đây là các hình thức thanh toán hiện đại, an toàn, tiện lợi, được người tiêu dùng đón nhận tích cực.

+ Việc thanh toán bằng QR Code được các TCCUDVTT, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT quan tâm phát triển để thúc đẩy phát triển thanh toán qua ĐTDD. Đến nay đã có khoảng 16 TCCUDVTT và một số tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT cung cấp giải pháp thanh toán QR Code qua thiết bị di động ra thị trường.

Thanh toán qua Internet và ĐTDD giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch thanh toán nhanh chóng, dễ dàng, mọi lúc, mọi nơi, không phụ thuộc vào không gian và thời gian, giao dịch được thực hiện tức thời; đồng thời giúp cả người tiêu dùng và doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, thời gian,... Thanh toán qua Internet và ĐTDD tạo động lực cho TMĐT phát triển.

- Phát triển dịch vụ thanh toán thẻ:

+ Đến cuối năm 2018, số lượng thẻ lưu hành đạt mức 97 triệu thẻ (tăng khoảng 36,6% so với cuối năm 2015); giao dịch bằng thẻ cũng liên tục tăng qua các năm; trong năm 2018 số lượng giao dịch thanh toán nội địa qua thẻ ngân hàng đạt trên 230 triệu giao dịch với tổng số tiền giao dịch là khoảng 592 nghìn tỷ đồng. Thẻ ngân hàng được sử dụng ngày càng, phổ biến trong TMĐT, qua đó phục vụ, hỗ trợ tốt cho hoạt động thanh toán trong TMĐT. Bên cạnh các dịch vụ truyền thống như rút tiền mặt, chuyển khoản, sao kê, các NHTM đã tích hợp

thêm nhiều tính năng vào thẻ ngân hàng để sử dụng thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ như thanh toán trong TMĐT, thanh toán tiền điện, nước, cước viễn thông, bảo hiểm, mua vé máy bay, thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trực tuyến... . Đồng thời, các NHTM cũng quan tâm hơn đến việc cải thiện chất lượng, dịch vụ thẻ, chú trọng tăng độ an toàn của thẻ ngân hàng.

+ Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển thanh toán thẻ ngân hàng qua thiết bị chấp nhận thẻ giai đoạn 2017-2020 (Kế hoạch số 10/KH-NHNN), nhằm thúc đẩy phát triển thanh toán thẻ ngân hàng qua thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán, góp phần thực sự vào việc phát triển TTKDTM trong dân cư; ngày 01/01/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và định hướng đến năm 2021, trong đó chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp tỉnh yêu cầu 100% trường học, bệnh viện, công ty điện, công ty cấp, thoát nước, công ty bưu chính, viễn thông trên địa bàn đô thị phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT để thu học phí, viện phí, tiền điện,... bằng phương thức TTKDTM, ưu tiên thanh toán bằng thiết bị di động, thanh toán qua POS. Trong năm 2018, số lượng, giá trị giao dịch qua POS có mức tăng trưởng khá cao; số lượng giao dịch đạt gần 220 triệu giao dịch với giá trị giao dịch đạt gần 458 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 45,46% và 29,9% so với năm 2017).

- Việc phát triển một số mô hình, dịch vụ thanh toán bán lẻ:

+ Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, triển khai Hệ thống thanh toán bù trừ tự động phục vụ các giao dịch thanh toán bán lẻ (ACH) tại Việt Nam; xây dựng hành lang pháp lý cho việc triển khai, vận hành Hệ thống ACH, qua đó thiết lập hạ tầng thanh toán bán lẻ hiện đại, hoạt động hiệu quả, liên tục, phục vụ tốt cho hoạt động thanh toán trong TMĐT.

+ Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh của CNTT và viễn thông và mối liên hệ mật thiết giữa CNTT với hoạt động thanh toán đã hình thành nên các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực CNTT tham gia vào việc cung ứng các dịch vụ trung gian, hỗ trợ thanh toán (tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT). Dịch vụ TGTT đã tạo thêm các kênh thanh toán mới, tiện ích, tiện lợi, bước đầu góp phần làm thay đổi thói quen thanh toán bằng tiền mặt trong dân cư. Thông qua dịch vụ TGTT, người dùng có thể giao dịch, thanh toán trực tuyến các hàng hóa, dịch vụ tại các website TMĐT và thực hiện nhiều dịch vụ tiện ích khác. Hoạt động TGTT góp phần đạt được mục tiêu của Quyết định 1563/QĐ-TTg. Đến nay, NHNN đã cho phép 29 tổ chức không phải là ngân hàng thực hiện cung ứng các dịch vụ TGTT.

- Việc triển khai thanh toán điện tử đối với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích, dịch vụ công, cũng như hỗ trợ cung cấp trực tuyến mức độ 4

trong triển khai nộp thuế điện tử đã đạt được những kết quả cụ thể, như: 50 ngân hàng thỏa thuận phối hợp thu thuế điện tử với Thuế, Hải quan trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố và tất cả các quận, huyện trên cả nước; 27 ngân hàng và 10 tổ chức cung ứng dịch vụ TGTN phối hợp thu tiền điện; 100% cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế đã bắt đầu triển khai Đề án phối hợp với các ngân hàng để nhờ thu hộ tiền khám chữa bệnh; số người nhận các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân (chiếm khoảng 21% tổng số người hưởng các chế độ BHXH)...

- Bên cạnh đó, hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đã có 17 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, 16 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và đang thực hiện nâng cấp các dịch vụ công từ mức độ 2 lên mức độ 3, 4 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

IV. Hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, an toàn thông tin cho thương mại điện tử

1. Phát triển, nâng cấp hạ tầng viễn thông, khuyến khích phát triển ứng dụng TMDT trên nền tảng di động

Để thúc đẩy việc truy cập thông tin, nội dung số cũng như sử dụng các dịch vụ thương mại điện tử trên thiết bị di động, việc phát triển hạ tầng số liên quan đến hạ tầng viễn thông và mạng di động là một trong những nội dung quan trọng. Đến nay, Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật được ban hành đã cơ bản hoàn thiện hành lang pháp lý quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông theo đúng thông lệ tiên tiến trên thế giới nhằm thúc đẩy cạnh tranh, mở cửa thị trường, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh dịch vụ viễn thông trong môi trường bình đẳng, công bằng, minh bạch theo cơ chế thị trường. Thị trường viễn thông tiếp tục được mở rộng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế (đến cuối năm 2018 đã có gần 100 doanh nghiệp được cấp phép; trong đó số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép tham gia đầu tư thiết lập hạ tầng mạng viễn thông tăng hơn 3 lần so với năm 2010). Một số kết quả đạt được như sau:

- Hạ tầng viễn thông đã phủ rộng khắp toàn quốc hơn 600.000 km cáp quang tới cấp huyện trên toàn quốc, với tốc độ truy nhập cao (đạt trên 27MBps). Có 35 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, số thuê bao băng rộng cố định trên 13 triệu (trong đó hơn 12 triệu thuê bao sử dụng cáp quang FTTx, tốc độ truy nhập lớn hơn 10MBps). Tổng băng thông quốc tế đạt hơn 8,1TBps, băng thông kết nối trung chuyển trong nước (qua VNIX) đạt 7,5TBps, sử dụng 16 triệu địa chỉ Ipv4, có 465000 tên miền .vn đang hoạt động.

- Mạng di động rất phát triển, có 6 doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ, 1 doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm 5G. Với 260.000 trạm BTS trên toàn quốc, tỷ lệ phủ sóng đạt 99,7%. Tổng số thuê bao băng rộng di động là 55,5 triệu (trong đó chủ yếu là điện thoại di động ~50 triệu). Tốc độ băng rộng di động đạt 22Mbps.

Ngoài ra, ngày 15/11/2017, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã ban hành Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Trong đó, xây dựng nội dung Điều 17 về hỗ trợ truy cập cho thiết bị di động.

Theo Sách trắng TMĐT Việt Nam, tỷ lệ doanh nghiệp website TMĐT có phiên bản tương thích với thiết bị di động tăng từ 15% năm 2014 lên 16% năm 2018. Tỷ lệ doanh nghiệp có ứng dụng bán hàng trên thiết bị di động tăng từ 11% năm 2014 lên 13% năm 2018;

2. Ban hành chính sách và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin trong giao dịch thương mại điện tử

Ngày 19/11/2015, Quốc hội đã thông qua Luật An toàn thông tin mạng. Luật này quy định về hoạt động an toàn thông tin mạng, quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng; mật mã dân sự; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng; kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng; phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng; quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng.

Sau khi Luật An toàn thông tin mạng được ban hành, Bộ Thông tin và Truyền thông đã được giao chủ trì xây dựng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền một số văn bản, cụ thể:

- Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia.

- Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

Một văn bản quy phạm quan trọng khác đã được Quốc hội thông qua ngày 12/6/2018 là Luật An ninh mạng. Theo đó, Luật quy định trách nhiệm của các doanh nghiệp trong và ngoài nước cần phải thực hiện khi cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet và các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam. Hiện nay, Chính phủ đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật An ninh mạng.

V. Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến liên quan đến sản xuất kinh doanh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục hành chính công

1. Đẩy mạnh giao dịch điện tử trong nội bộ và giữa các cơ quan nhà nước với nhau

Triển khai Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg, ngày 12/3/2019, Thủ tướng Chính phủ đã nhấn nút chính thức khai trương Trục liên thông văn bản quốc gia, do Văn phòng Chính phủ chủ trì triển khai xây dựng. Theo đó, 100% các bộ, ngành, địa phương đã kết nối liên thông các hệ thống quản lý văn bản và điều hành và gửi, nhận văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia. Sau 3 tháng vận hành (từ 12/3/2019 đến 12/6/2019), đến nay đã có hơn 46.000 văn bản gửi và hơn 130.000 văn bản nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Kết quả ban đầu của Trục liên thông văn bản quốc gia sẽ góp phần tác động mạnh mẽ, thay đổi tư duy, tư tưởng của cán bộ, công chức khi thi hành công vụ.

2. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển Chính phủ điện tử

Để triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 153/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 30/01/2018 phê duyệt Chương trình mục tiêu CNTT giai đoạn 2016-2020.

Ngày 07/3/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025. Theo đó, một số chỉ tiêu đặt ra cho giai đoạn 2019 - 2020 liên quan đến dịch vụ công như sau:

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng bộ, ngành, địa phương đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các

dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

- Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; 50% Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ sử dụng, giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng Thông tin điện tử các bộ, ngành, địa phương công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

Ngoài các chủ trương, chính sách nêu trên, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cũng đã ban hành nhiều chính sách, văn bản pháp lý liên quan khác để dần hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý cho ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử tại nước ta. Đồng thời, hoàn thiện hệ thống tổ chức chỉ đạo, quản lý, điều hành về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Về công tác chỉ đạo, tại Chính phủ thành lập Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử; tại các bộ, ngành, địa phương kiện toàn, thành lập Ban chỉ đạo về Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử.

Ngoài ra, để thúc đẩy việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích; Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích. Tính đến hết tháng 02/2019, đã có 63/63 Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 11 Bộ/ngành đã triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được phát đến địa chỉ nhận.

3. Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN

a) Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia

Đến ngày 27/5/2019 đã có 13 Bộ, ngành tham gia kết nối; 173 thủ tục hành chính được đưa lên Cơ chế một cửa quốc gia với tổng số hồ sơ hành chính đã được xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia là trên 2,2 triệu bộ hồ sơ và gần 30 nghìn doanh nghiệp tham gia (Tính đến ngày 31/12/2018, đã có 153 thủ tục hành chính của 12 Bộ, ngành kết nối, với gần 1,8 triệu hồ sơ của 26.400 doanh nghiệp).

Nhìn chung, các Bộ, ngành đã có sự chuyển biến tích cực trong triển khai Cơ chế một cửa quốc gia. Đặc biệt là sau Hội nghị toàn quốc thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì ngày 24/7/2018, đã có sự phát triển đột phá, chỉ trong khoảng 5 tháng (từ 24/7/2018 - 31/12/2018), các Bộ, ngành đã triển khai thêm được 100 thủ tục mới trên Cơ chế một cửa quốc gia.

b) Triển khai Cơ chế một cửa ASEAN

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Việt Nam đã chính thức trao đổi thông tin Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D (C/O form D) điện tử với 4 nước Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan và sử dụng chứng từ này làm căn cứ để áp dụng mức ưu đãi thuế quan theo Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN.

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/5/2019, tổng số C/O form D do Việt Nam gửi đi là 142.400; tổng số C/O form D Việt Nam nhận được từ các nước ASEAN là 80.700 (Tính đến ngày 31/12/2018, tổng số C/O form D Việt Nam nhận từ 04 nước ASEAN là: 59.053. Tổng số C/O form Việt Nam gửi sang các nước là: 98.820). Trong thời gian tới, theo kế hoạch sẽ triển khai kết nối kỹ thuật thử nghiệm trao đổi thông tin tờ khai hải quan ASEAN, chứng nhận kiểm dịch thực vật (ePhyto), chứng nhận kiểm dịch động vật (e-AH).

Việc triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN đã giúp giảm thiểu giấy tờ, rút ngắn thời gian, giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, làm thay đổi căn bản phương thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành; đồng thời đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

4. Hoàn thiện hệ thống hải quan điện tử

a) Thực hiện thủ tục hải quan tự động

Hiện nay, thủ tục hải quan hoàn toàn thực hiện bằng phương thức tự động thông qua Hệ thống VNACCS/VCIS ở mức độ rất cao. 100% cơ quan hải quan các tỉnh, thành phố (bao gồm 35/35 cục Hải quan tỉnh, thành phố với 100% chi cục) đã thực hiện thủ tục hải quan điện tử thông qua Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS; 100% các quy trình thủ tục hải quan cơ bản đã được tự động hóa trên phạm vi toàn quốc tới cấp chi cục. Hơn 99,65% doanh nghiệp

tham gia thực hiện thủ tục hải quan bằng phương thức điện tử. Hiện nay, thời gian tiếp nhận và thông quan đối với hàng luồng xanh chỉ từ 1-3 giây. Riêng trong năm 2018, số lượng tờ khai là 12,12 triệu tờ khai xuất nhập khẩu, trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu là 480,17 tỷ USD và số lượng doanh nghiệp xuất nhập khẩu là 85,6 nghìn.

b) Thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa tự động

Tổng cục Hải quan đã triển khai Hệ thống quản lý giám sát hải quan tự động (gọi tắt là Hệ thống VASSCM) thông qua việc kết nối, trao đổi thông tin với doanh nghiệp kinh doanh cảng, sân bay, kho bãi, địa điểm chịu sự giám sát hải quan. Việc triển khai hệ thống VASSCM, hồ sơ, thủ tục để đưa hàng ra khỏi kho bãi cảng đơn giản hơn; giảm tiếp xúc giữa hải quan và doanh nghiệp; giảm thời gian đi lại làm thủ tục của doanh nghiệp xuất nhập khẩu, khắc phục được tình trạng ùn tắc tại công cảng/kho bãi; tạo ra sự thuận lợi, minh bạch trong quản lý điều hành công việc của doanh nghiệp.

Đến ngày 14/3/2019, Hệ thống VASSCM đã được triển khai tại 29/35 Cục Hải quan tỉnh, thành phố cho 359 doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, kho ngoại quan và kho hàng không.

c) Thực hiện thanh toán điện tử

Từ năm 2012, cơ quan hải quan đã kết nối với các hệ thống công nghệ thông tin của các Ngân hàng thương mại và Kho bạc nhà nước để thực hiện thanh toán điện tử (E-payment), số thuế thu được từ phương thức điện tử chiếm hơn 90% số thu ngân sách của Tổng cục Hải quan. Cuối năm 2017, cơ quan Hải quan đã triển khai Đề án nộp thuế điện tử và thông quan 24/7. Theo đó, doanh nghiệp có thể nộp tiền thuế vào mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện; đảm bảo thông tin nộp tiền được thanh khoản thuế kịp thời, chính xác; giảm thời gian nộp thuế, đồng thời thông quan hàng hóa ngay sau khi nộp thuế, qua đó rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp xuống bằng mức trung bình của nhóm nước ASEAN-4 theo chỉ đạo của Chính phủ.

Kết quả tính đến hết ngày 31/12/2018, đã có 38 ngân hàng thương mại phối hợp thu với cơ quan Hải quan, trong đó có 22/38 ngân hàng thực hiện cả thu bằng phương thức điện tử 24/7, số thu qua ngân hàng thương mại đạt 92,91% tổng số thu ngân sách trong đó thực hiện qua phương thức điện tử 24/7 đạt 5,34% tổng số thu ngân sách nhà nước.

5. *Đẩy mạnh triển khai đấu thầu qua mạng*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng, vận hành và phát triển Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (gọi tắt là Hệ thống) tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> bao gồm các chức năng chính: công thông tin

điện tử (portal); trung tâm dữ liệu (data center); hệ thống chứng thực chữ ký số người dùng (PKI); phần mềm đấu thầu qua mạng (e-bidding); và hệ thống quản lý người sử dụng (user management). Hệ thống hoạt động theo mô hình thương mại điện tử Chính phủ - doanh nghiệp (G2B).

Từ năm 2017, thủ tục hành chính trên Hệ thống đã đạt cấp độ 4 trong các cấp độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, cho phép người sử dụng thanh toán chi phí trực tuyến, sử dụng hóa đơn điện tử và kết nối với ngân hàng để truy xuất thông tin bảo lãnh dự thầu qua mạng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã triển khai các phần mềm ứng dụng cung cấp thông tin đấu thầu qua thiết bị di động, thư điện tử để tối đa hóa việc công khai thông tin đấu thầu, các thông tin về đấu thầu sẽ được phần mềm tự động gửi đến điện thoại của người sử dụng hàng ngày.

Tính đến năm 2018, 100% các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng đã được đăng tải công khai trên Hệ thống. Tỷ lệ gói thầu mua sắm công được thực hiện trực tuyến trên Hệ thống hiện đạt 18%, có thể đạt mục tiêu đến năm 2020; qua đó đưa tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng bằng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi đạt tối thiểu 50% về số lượng gói thầu và 15% về tổng giá trị gói thầu.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành nhiều văn bản pháp lý hướng dẫn đấu thầu qua mạng. Theo đó đến nay, hệ thống văn bản pháp luật đối với đấu thầu qua mạng đã được đảm bảo cơ bản đầy đủ, chuẩn hóa. Cụ thể như sau:

- + Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng;

- + Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT ngày 29/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng;

- + Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- + Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

+ Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Để đẩy mạnh triển khai hoạt động đấu thầu qua mạng trong mua sắm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quan trọng, chỉ đạo quyết liệt để thúc đẩy việc áp dụng đấu thầu qua mạng như:

+ Quyết định số 1402/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể và lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016-2025.

+ Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước.

VI. Phát triển nguồn nhân lực cho thương mại điện tử

1. Xây dựng các chương trình tập huấn cho cán bộ quản lý và chương trình chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về thương mại điện tử; Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn cho doanh nghiệp về thương mại điện tử

Giai đoạn 2016 đến 2020, hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT tiếp tục là trọng tâm của việc triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT. Trong giai đoạn 5 năm, Cục TMĐT và KTS- Bộ Công Thương đã phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương tổ chức tổng cộng hơn 263 lớp tập huấn về TMĐT trên phạm vi toàn quốc, với sự tham gia của trên 29.700 học viên, cụ thể: năm 2016: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 51 lớp cho khoảng 5.400 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc; năm 2017: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 50 lớp cho khoảng 5.600 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc. Đào tạo cho doanh nghiệp XNK tại Hà Nội: 200 người; năm 2018: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 47 lớp cho khoảng 4.800 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc. Đào tạo cho doanh nghiệp XNK tại Hà Nội: 11 lớp cho khoảng 220 người; năm 2019: tính đến hết tháng 11/2019 Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 62 lớp cho khoảng 5.800 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc. Đào tạo cho doanh nghiệp XNK tại Hà Nội: 9 lớp cho khoảng 180 người. Phối hợp với Google đào tạo cho sinh viên và doanh nghiệp: 23 lớp cho khoảng 7.500 người.

2. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử

Trong giai đoạn 2016 – 2019, hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử đã được thực hiện liên tục, thường xuyên thông qua nhiều hình thức, phương thức: hội thảo, tập huấn, xuất bản sách, tài liệu, cổng thông tin điện tử, báo chí, đào tạo trực tuyến v.v.. Phạm vi và đối tượng tuyên truyền mở rộng, không chỉ tuyên truyền ở cấp trung ương mà mở rộng tuyên truyền xuống cả 63 tỉnh thành tại địa phương, hướng tới các đối tượng không chỉ cơ quan quản lý nhà nước mà còn doanh nghiệp, cá nhân, và sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Cụ thể như sau:

- Thực hiện tuyên truyền, quảng bá thông tin tới thương nhân, tổ chức, cá nhân về các quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Nghị định 185/2013/NĐ-CP, Nghị định 124/2015/NĐ-CP, Thông tư số 47/2014/TT-BCT và Thông tư số 59/2015/TT-BCT. Cụ thể là đăng cảnh báo đến người dân nhiều trường hợp và hành vi lừa đảo như: Cảnh báo hiện tượng lừa đảo từ các website nạp thẻ; Thông báo tới các website cung cấp dịch vụ TMĐT về chiêu thức lừa đảo mới trên các website, mạng xã hội; Khuyến cáo về việc kinh doanh áo in hình lá cần sa trên các website TMĐT; Cảnh báo tình trạng lừa đảo bằng cách giả mạo thư điện tử giao dịch của doanh nghiệp, đồng thời yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ thương mại điện tử gỡ bỏ các sản phẩm vi phạm;

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn mua sắm trực tuyến an toàn; hướng dẫn người tiêu dùng để tránh mua phải hàng giả, hàng nhái và đăng tải công khai trên website của Cục TMĐT và KTS, Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ online.gov.vn;

- Xây dựng tài liệu hỏi đáp về pháp luật thương mại điện tử để hướng dẫn các đơn vị thực thi pháp luật, doanh nghiệp và người dân về pháp luật thương mại điện tử;

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức và giáo dục pháp luật, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp và người dân trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn), Cổng thông tin của Bộ Công Thương (moit.gov.vn), Website của Cục TMĐT và KTS (idea.gov.vn), Cổng Thông tin quản lý hoạt động TMĐT (online.gov.vn). Năm 2018, đã tổ chức được 46 khóa đào tạo trực tiếp về TMĐT tại các tỉnh, thành phố và 13 khóa đào tạo về xuất nhập khẩu và khai thác thị trường trực tuyến tại Hà Nội;

- Triển khai giải pháp và chương trình đào tạo về thương mại điện tử trên môi trường trực tuyến (e-learning). Điển hình của chương trình e-learning là phối hợp với bộ phận bán hàng quốc tế của tập đoàn Amazon (Amazon Global Selling) để triển khai chương trình đào tạo 8 tuần về các kỹ năng bán hàng xuyên biên giới trên sàn giao dịch Amazon.com. Đối tượng tham gia ban đầu là các giảng viên đại học chuyên trách về thương mại điện tử, thương mại quốc tế.

**PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH TỈNH/THÀNH PHỐ BAN HÀNH KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN TMĐT GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

STT	Địa phương	Văn bản ban hành
1	An Giang	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 24/5/2016
2	Bà Rịa Vũng Tàu	Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 28/3/2017
3	Bắc Giang	Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 04/06/2015
4	Bắc Kạn	Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 30/07/2015
5	Bạc Liêu	Quyết định số 85/KH-UBND ngày 22/11/2016
6	Bắc Ninh	Không có
7	Bến Tre	Quyết định số 248/KH-UBND ngày 19/01/2017
8	Bình Định	Quyết định số 4924/QĐ-UBND ngày 31/12/2015
9	Bình Dương	Quyết định số 304/KH-UBND ngày 25/01/2017
10	Bình Phước	Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 26/05/2016
11	Bình Thuận	Quyết định số 3798/QĐ-UBND ngày 22/12/2016
12	Cà Mau	Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 26/10/2016
13	Cần Thơ	Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 14/12/2016
14	Cao Bằng	Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 30/12/2016
15	Đà Nẵng	Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 16/02/2016
16	Đắk Nông	Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 04/11/2016
17	Đắk Lắk	Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 19/6/2017
18	Điện Biên	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 12/05/2016
19	Đồng Nai	Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 05/05/2016
20	Đồng Tháp	Kế hoạch 181/KH-UBND ngày 30/6/2017
21	Gia Lai	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 27/11/2015
22	Hà Giang	Quyết định số 158/KH-UBND ngày 13/10/2015
23	Hà Nam	Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 6/2/2018
24	Hà Nội	Quyết định số 78/CTr-UBND ngày 22/04/2016
25	Hà Tĩnh	Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 24/06/2016
26	Hải Dương	Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 05/09/2016
27	Hải Phòng	Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 23/08/2016
28	Hậu Giang	Quyết định số 115/KH-UBND ngày 13/12/2016
29	Hòa Bình	Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 28/04/2016
30	Hưng Yên	Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 06/05/2016
31	Khánh Hòa	Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/07/2016
32	Kiên Giang	Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 22/12/2017

33	Kon Tum	Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 26/10/2016
34	Lai Châu	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 11/01/2017
35	Lâm Đồng	Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 29/11/2016
36	Lạng Sơn	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 08/02/2017
37	Lào Cai	Quyết định số 239/KH-UBND ngày 01/09/2016
38	Long An	Quyết định số 3977/QĐ-UBND ngày 28/10/2015
39	Nam Định	Không có
40	Nghệ An	Quyết định số 6407/QĐ-UBND ngày 16/12/2016
41	Ninh Bình	Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 20/10/2016
42	Ninh Thuận	Quyết định số 5272/KH-UBND ngày 28/12/2016
43	Phú Thọ	Quyết định số 3967/KH-UBND ngày 23/09/2015
44	Phú Yên	Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 23/06/2016
45	Quảng Bình	Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 28/07/2015
46	Quảng Nam	Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 18/11/2016
47	Quảng Ngãi	Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 18/03/2016
48	Quảng Ninh	Không có
49	Quảng Trị	Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 29/12/2015
50	Sóc Trăng	Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 13/4/2017
51	Sơn La	Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 07/09/2015
52	Tây Ninh	Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 16/5/2017
53	Thái Bình	Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 30/06/2016
54	Thái Nguyên	Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 10/09/2015
55	Thanh Hóa	Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 06/02/2017
56	Thừa Thiên Huế	Quyết định số 97/KH-UBND ngày 23/06/2016
57	Tiền Giang	Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 23/12/2016
58	TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 6485/QĐ-UBND ngày 12/12/2016
59	Trà Vinh	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 06/02/2017
60	Tuyên Quang	Kế hoạch 41/KH-UBND ngày 19/5/2017
61	Vĩnh Long	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 15/1/2015
62	Vĩnh Phúc	Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 28/12/2016
63	Yên Bái	Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 19/10/2015